

THANH-NHỊ!

NGHỊ-LUẬN, VĂN-CHƯƠNG, KHẢO-CỨU

Chủ nhiệm : VŨ ĐÌNH HÒE

TRONG SỐ NÀY :

- | | |
|---|------------------|
| — Người thân của ta | VŨ VĂN HIẾN |
| — Thế hệ và niên đại trong
thượng cổ sử Trung quốc | ĐẶNG THÁI MAI |
| — Địa thế, chu vận của doanh-
nghiệp và tiệt-tầu của kinh-tế | A. A dịch |
| — Trong khi nghị hệ tặng anh em
học sinh : Chương-trình khảo-
cứu nhân sinh địa dư một làng
Việt-nam | NGUYỄN THIỆU LÂU |
| — Đối thoại giữa ba nghệ sĩ (một
thi sĩ, một họa sĩ, một nhạc sĩ) | ĐINH GIA TRINH |
| — Cô dâu xấu xí (Truyện ngắn) | NHƯ HÀ dịch |
| — Cái bản thờ | V. V. V. PHƯƠNG |
| — Việc quốc tế | B. D. D. |

NĂM THỨ TƯ : SỐ 73 — NGÀY 8 JUILLET 1944

Việc quốc tế

TỪ 24 JUIN ĐẾN 1^{er} JUILLET 1944

Mặt trận Á - Đông

— Ở Trung Hoa, quân Nhật từ Hồ Nam đánh sang Giang Tây đã chiếm được thị trấn Bình Hưng. Và ngay tại Hồ-Nam, sau khi hạ được trường bay Hann Dương, họ đã bao vây thành phố này.

— Tại Bắc-Diễn-Điện, quân đội Nhật sung đột với quân Trung Khánh trên tây ngạn sông Salouen được thắng lợi.

— Trên Thái-Bình-Dương một hạm đội Đồng Minh lọt vào khu quần đảo Bonins (Ogasawara) bị phi cơ Nhật làm thiệt hại rất nhiều. Đồng thời không quân Nhật tấn công xuống các vị trí địch quân trên đảo Saipan ở quần đảo Mariannes. Quá phía Nam phi cơ Đồng Minh luôn luôn thả bom xuống đảo Guam (Omiyajima) của Nhật, nhưng đều bị hạ hoặc đánh lui.

Mặt trận Ý

Quân Đức vẫn tiếp tục rút lui về phía Bắc.

Lộ quân Mỹ thứ 5 đã lần lượt chiếm đóng Malio, Torniello, Ferolia, Piombino, San Vincenzo, Castognate, Centeciano, và hiện nay tiền đội chỉ còn cách Sienne 20 cây số và Livourne 30 cây.

Lộ quân Anh thứ 8 đã hạ Sorteano Foligno Chienti và Estro.

Mặt trận Nga - Phần

— Trên mặt trận Phần Lan, Hồng quân tiến đánh ở ba nơi: giữa khoảng Vịnh Phần Lan và Hồ Ladoga, họ từ Viborg vẫn tiến theo đường xe lửa về phía kinh thành Helsinki, và trên Vịnh Phần Lan họ đã chiếm đóng các đảo Koivisto, Julangaari, Karsanaar; — trên eo đất Aunus giữa hồ Ladoga và Onéga, quân Phần Lan sau khi rút qua sông Svir đã mất thành Olonetz; — phía Bắc hồ Onéga, Hồng quân đã chiếm được một phần lớn đường xe lửa đi Mourmansk ở Cực Bắc eo đất Carélie, và đã hạ được thành Segotzera. Hiện nay nước Phần Lan lâm vào thế nguy đã phải cầu cứu Đức và nhận được của Đức nhiều quân cứu viện đưa tới Helsinki.

— Trên đất Nga, cuộc đại tấn công mùa hạ của Hồng quân hiện vẫn chỉ xảy ra ở khu trung ương từ Vitebsk xuống tới Bobruisk. Có tới 80 sư

đoàn Nga chiến đấu trên một trận tuyến từ 160 cây số đã lan rộng tới 500 cây số. Hồng quân công-kích vào bốn nơi, từ Bắc xuống Nam: Vitebsk, Orsha, Mogilev và Bobruisk.

Chung quanh Vitebsk quân Xô viết đã cắt đứt đường xe lửa Vitebsk — Orsha, con đường Vitebsk — Lepel ở phía Tây và đường xe lửa Vitebsk — Polotsk ở Tây Bắc, và sau khi chiếm đóng nhiều thị trấn, đã hạ được thành Vitebsk (27-6) rồi, thành Lepel và nhiều nơi khác nữa.

Chung quanh Orsha Hồng quân cũng chiếm được nhiều nơi và cả thành Orsha (28-6) rồi tiến theo đường xe lửa về phía Minsk, một thành phố quan trọng ở gần biên giới Bạch Nga-Ba Lan.

Chung quanh Mogilev, quân Nga vượt qua những sông Pronya và Dniepr, và chiếm đóng nhiều thành phố trong số đó có cả thành Mogilev (29-6).

Chung quanh Bobruisk nhiều thành phố bị Hồng quân hạ, đường xe lửa Bobruisk — Minsk bị cắt đứt. Sau khi chiếm được Osipovichi trên ngã ba đường sắt đi Mogilev, đi Bobruisk và đi Minsk, quân Nga đã tiến nhanh về phía Minsk.

* * *

Mặt trận Tây - Âu

— Trên bán đảo Colentin, quân Mỹ và quân Giã-na-đại sau bốn ngày bao vây quân cảng Cherbourg đã hạ được nơi này (26 Juin), quân Đức trước khi bị hạ đã phá hủy hết các cơ quan binh bị. Sau khi Cherbourg thất thủ cuộc kháng chiến vẫn còn xảy ra tại trường bay Maupertus ở phía Đông và tại mỏm La Hague ở phía Tây Cherbourg. Maupertus đã bị hạ 3 ngày hôm sau.

— Khu Tilly sur Seuilles trở nên quan trọng nhất sau khi Cherbourg lọt vào tay Đồng Minh. Đường xe lửa Caen — Villers Bocage — Coutances đã bị quân Đồng Minh vượt qua; quân Anh lại vượt qua sông Odon và tiến về phía Nam được vài cây số.

— Những tàu bay không phi công cũng gọi là « bom bay » vẫn tiếp tục phá hại các bến Ports mouth, Southampton ở bờ biển Nam-Anh và nhất là kinh thành Londres.

— Tại Paris, viên Tổng-trưởng bộ Thông tin và Tuyên truyền Pháp, ông Philippe Henriot đã bị ám sát (28-6).

Đ. Đ. D

THE HE VA NIEN DAI TRONG THU'ONG CO SU' TRUNG-QUOC

ĐẶNG THÁI MAI

Trong khi bộ sử đầu còn là tập sách sử-học nhập môn của các nhà nho thì đối với quan-riệm truyền thống của sử học Trung-quốc tuy thỉnh thoảng có những lời hoài nghi, nhưng phần nhiều người ta vẫn tin về mấy con số về thế-hệ và niên đại các ngôi vua, mà truyền ngôn cho rằng đã cai trị đất nước Tàu từ khi «khai thiên lập địa» cho đến thời kỳ Tam Vương (nhà Hạ nhà Thương và nhà Chu.) Những nhân vật như Bàn-Cổ, Phục-hi, Nữ-oa, Thần nông, Hoàng đế, Thiếu hiệu (hay Hạo) Xuyên húc, Đế cốc (hay Khổng) rồi đến đời Nghiêu, Thuấn, và đời vua Vũ (1) nhà Hạ vẫn luôn luôn được người ta ghi chép cả tên tuổi và thế hệ.

Ngày nay chúng ta đã có nhiều lý do để mà hoài nghi.

Về ba ngôi vua đầu tiên mà người ta vẫn quen gọi là thời kỳ Tam hoàng cũng đã có mấy thuyết khác nhau.

Theo bộ Thương thư đại truyện thì Tam hoàng là Toại nhân (Thiên hoàng) Phục hi (Nhân hoàng) và Thần nông (Địa hoàng). Trong Sử ký (Tân thì hoàng bản kỷ) có dẫn lời bản các Bác-sĩ bản về

Trong bộ Lễ ký khúc lệ chính nghĩa Trịnh Huyền (127-200) chưa rằng: Phục hi, Nữ oa và Thần nông là Tam hoàng. Theo trong Bạch hồ thông, sau lúc đã dẫn Thương thư đại truyện còn

(1) Vua Vũ, hay là Đại Vũ, hay là Hạ Vũ (cũng đọc là Võ. — Theo tiếng quan thoại, chữ tên vua đầu tiên nhà hạ đọc là «Yü» (chữ y ở sau không có âm.) Nghĩa đen chữ vũ, theo Dr L. W, thì chữ Vũ này là một chữ «trưng hình, tên một loài sâu to đuôi» Caractères chinois tr 82 Leçons étymologiques 23. — Không nên lầm với chữ Võ (cũng đọc là yü) trong mấy chữ tên: Võ vương (nhà Chu) Võ đế nhà Hán v... Chữ võ này nghĩa là nước bước, là dẫn; người hay việc làm có tính cách bình bị.

chưa thêm một thuyết của «hoặc giả» nói: Tam hoàng là Phục hi, Thần nông và Chúc dung.

Sau hết Tư mã Trinh chép: «Lúc giới đất mới thành lập, có Thiên hoàng thì, mười hai anh em, hiệu vua nói rằng: «X ra kia có Thiên hoàng, Địa hoàng và Thái hoàng. Thái hoàng quý hơn hết.» trị vì mỗi người một vạn tám nghìn năm. Địa hoàng thì, mười một anh em, mỗi người cũng làm vua một vạn tám nghìn năm. Nhân hoàng thì, anh em chín người, chia nhau làm đầu chín châu gồm tất cả 150 đời và trị vì bốn vạn năm nghìn sáu trăm năm (1).

Vậy thì thuyết nào đúng? Những ai là Tam hoàng chính hiệu? Tam hoàng là một ngôi vua hay là một giống vua có nhiều vị quân trưởng? Và nói cho cùng thì tam hoàng có thật có hay không.

Về ngũ đế cũng có hai thuyết khác nhau:

Theo Sử-ký thì năm ngôi vua đó là Hoàng đế,

(1) Xem Bản quốc sử của Lữ Tư Miễn (Thượng vũ ấn thư quán 1938). Lữ Tư Miễn có dẫn một câu chú thích của sách Ấn nói: «Thái hoàng có lẽ là Nhân hoàng» để mà kết luận rằng: hai thuyết của Đại truyện cùng Sử ký cũng là một. Lữ lại dẫn một đoạn trong Tam hoàng bản kỷ và nói rằng: trong đoạn đó, trên nói đến tên Chúc dung dưới lại nói đến Nữ oa, thì Chúc dung và Nữ oa cũng là một người. Nguyên văn câu sách, Tam hoàng bản kỷ nói: «Về năm cuối cùng, trong các chư hầu có họ Cung-công đánh với Chúc dung không được rồi dẫn tất lên đáp đầu vào núi Bất Chu (để lự tử). Vì vậy mà cột giới gãy, núi đất đứt. Bà Nữ oa mới luyện đá ngũ sắc để vá trời.»

Tuy vậy, Lữ không nên quên rằng câu trên trích từ sách Ấn cũng chỉ là một câu đoán mà thôi: «Thái hoàng (có lẽ), (nhân hoàng đại) Còn trong câu thứ hai, chúng ta vẫn không thấy rõ vì sao Chúc dung cùng Nữ oa nhất định phải là một người.

Vì lẽ riêng bài "NGƯỜI THÂN CỦA TA" của Vũ văn Hiến
không đăng được

Xuyên húc, Đế Cốc, Nghiêu và Thuấn.

Theo Trịnh Huyền thì sau Hoàng đế thì còn thêm vào Thiệu bạo nữa. Vậy thì Nghiêu Thuấn chỉ có thể là làm một đời.

Nhà Hạ nhà Ân (hay nhà Thương) là hai đời đã có vẻ rõ rệt hơn. Nếu đó Tam hoàng rồi Nhưng thế hệ các đời vua mà ta được đọc trong chính sử vẫn nhiên đều khả nghi. M. Granet đã tiến lên mấy câu nghi vấn về thế hệ nhà Hạ, nhà Thương và tổ tiên nhà Chu. Nhiều nhà sử hiện đại cũng đã chú ý đến vấn đề thần thoại (mythes) của các nhân vật mà trong sử vẫn gọi là Tam hoàng và Ngũ đế. Ấy là chưa nói đến tình trạng quá trống trải quá, ít ỏi về sử sự của 34 đời vua nhà Hạ và nhà Thương. Ấy là chưa kể đến câu chuyện «trùng kiến» ở đời này lẫn qua đời nọ và những điều trái ngược, bất phù về thân thế các nhân vật quan trọng.

Vấn đề niên đại lại khả nghi hơn (1) nữa, trong tập «Textes historiques» L. Wiegier căn cứ vào tập Trúc thư kỷ niên và Thông Giám, cương mục và đem đối chiếu Âm lịch cùng Dương lịch rồi chia lịch sử nước Tàu, từ Bàn Cổ đến đời Tần làm 4 thời kỳ.

1-) Thời kỳ sử tiền (2) (temps préhistoriques) (4477 - 2698 tr. G.T.) từ Phục li (4477 - 4363) đến Thần nông.

2-) Thời kỳ bán-sử (Temps semi-historiques). 2687-2358 từ Hoàng đế trải qua Thiệu-bạo Xuyên húc Đế-cốc đến Đế-chí.

3-) Thời kỳ Phong kiến (Empire féodale) 2357-222 gồm các đời Nghiêu Thuấn và tam-đại (nhà Hạ, nhà Thương và nhà Chu) rồi đến thời - kỷ Xuân-thu và Chiến-mốc (255-222) (3).

Nhưng giá trị lối biên-niên này tuy ở những điều kiện mà hiện nay chưa có thể nói là đã mười phần thỏa đáng.

Chỉ theo thiên-văn-học lịch-sử và học để đem

(1) Nên đọc bài «Valeur des données traditionnelles» trong cuốn sách La Civilisation Chinoise của Granet (Paris — La Renaissance du Livre 1929) Granet đã gọi thời kỳ thượng cổ sử Trung quốc từ thời đầu tiên cho đến đời Xuân thu là «Les âges préhistoriques».

(2) Các chỗ dịch ở tiền sử. Nhưng ý chúng tôi thì chữ sử tiền đó không hợp.

(3) Theo tập Textes historiques Hien Hien Hien Hien (1902). Trong cuốn «Caractères chinois» in lần thứ ba (1916) L. Wiegier lại cho những căn cứ khác về nhà Hạ (Theo Textes historiques thì là từ 2698 đến 1767, mà theo tập Caractères chinois thì là từ 1939 đến 1559).

niên-dại Trung-quốc mà đối chiếu cho ứng đương năm từng tháng với sử Tàu cũng chưa đủ. Trước hết phải chú ý rằng đây là niên-dại của các bản chính-sử là có tìm-bảo.

Nhưng cái lối biên-niên của Trung-quốc có tự bao giờ?

Hai cuốn sách mà các nhà sử-học vẫn dùng làm cơ-sở nghiên-stra về niên-dại sử Tàu là bộ Xuân-thu và bộ Trúc-thư kỷ-niên. Nhưng niên-dại ở Xuân-thu chỉ bắt đầu từ nguyên-niên của An-công nước Lỗ tức là năm 722 tr. Gia-tô mà thôi (4). Theo Trúc-thư kỷ-niên thì về 17 đời nhà Hạ chỉ nói qua là công tất cả 471 năm.

Chúng ta thấy rằng: nững bộ sử cũ nhất mà hiện còn không hề cho một con số gì chính-xác về đời Tam- hoàng Vực-lý. Mặt mặt nữa sự biên-niên về hồi Khổng-tử (551-479 tr. g.t.) mới chỉ ghi từ năm 722 giờ xuống mà thôi. Còn bộ Trúc-thư kỷ-niên, là mấy tập di văn chép trên những thanh tre vào khoảng thế-kỷ thứ IV tr. G.T. nhưng mỗi đến sáu thế-kỷ sau, về đầu đời Tần người ta mới đào được ở trong một cái mộ xưa. Lúc mới phát-hiện có được «vài chục xe», thì một phần «trúc-giản» đã bị đi đến ra dùng làm đóm để soi cho những người khai phát ngôi mộ ấy. Rồi một phần lại bị mất mát đi trong lúc chuyên tải vào kho. Đến lúc đưa ra, thì nhiều chữ đã không có ai biết đọc nữa. Sau đó bao nhiêu trúc-giản còn lại lại bị các nhà nho biên chép ra và phụ-họa vào nhiều chỗ thành ra ngày nay, chân tướng bộ Trúc-thư vẫn còn nhiều chỗ khuyết-nghi. Những chỗ hoàn toàn tin được là những chỗ Trúc-thư phù-hợp với Sử-ký Tư-mã-Thiên (145-86) mà thôi.

Bộ Sử-ký viết vào khoảng thế-kỷ thứ nhất trước G.T. đời Võ-đế nhà Hán. Tư-mã-Thiên căn cứ vào niên-dại các đời vua còn chép lại trong sử và biên-niên lên đến đời Cộng-hòa (hay Cung-hòa) 841 trước G.T. Tác-giả bộ Sử-ký không muốn lên quá đời Cộng-hòa, có lẽ vì không tin rằng phương pháp ấy là hoàn-toàn, và cũng hẳn là vì văn kiện còn truyền về hồi ấy đã có nhiều chỗ khả-nghi, không đủ bằng chứng nữa rồi.

(Xem tiếp trang 6)

(4) Xuân-thu chép các sử sự trong thời kỳ khởi từ 722 đến 484. — Tả truyện chép đến năm 463. — Chúng ta biết rằng bộ Xuân-thu có ba nhà chú thích là: Tả-Khẩu (Ký, Minh (tả truyện) Công-tử-dương-Gao (Công-dương truyện) và Cố-lương Thúc (Cố-lương truyện).

Nhân sinh địa dư? = MỘT LANG VIỆT NAM =

NGUYEN THIEU LAU

Thế nào là nhân sinh địa dư?

Tôi đã có dịp nói qua rồi (xem Thanh-Nghị số 47). Cháu các bạn xem bài đó đã nhận thấy chương-trình khảo cứu nhân sinh địa dư như thế nào : rất phức-tạp nhưng không đến nỗi chán hay vô ích cho sự biết của ta.

Tôi cũng lại đã có dịp nói về chương-trình khảo-cứu lịch-sử một làng Việt-nam (xem Thanh-Nghị số 67) : lịch sử rất quan hệ đến địa dư cũng như trái lại vậy. Nếu có thể được, các bạn hãy đọc lịch-sử trước địa dư vì biết những điều về dĩ-vãng, các bạn có thể giảng được nhiều điều về hiện tại. Nhưng không biết rõ lịch sử cũng không hại mấy, vì điều cốt yếu trong sự khảo cứu địa-dư là quan-sat cho kỹ càng, phỏng vấn cho khéo để biết hiện tại.

Nếu bạn nào muốn khảo cứu một làng chương trình mà tôi phác ra đây có thể giúp dễ liệu đại-khai-phương pháp.

Tài liệu phải dùng đến :

A. — Bản đồ 1 : 100.000 và 1 : 25.000 của vùng mà trong đó có làng bạn học. (Muốn xem bản đồ này, có thể tới tỉnh lỵ, hỏi sở Lục-lệ hay ra Hà-nội, hỏi Thư-viện trung-ương hay Thư-viện trường Viễn-đông Bác-cổ. Sau này, nếu tình thế trở lại hòa bình, có thể hỏi mua ở Sở Địa-dư Đông Pháp được).

Xem hai bản đồ này, biết làng ở vào một vùng, một miền mà địa thế như thế nào.

Bản đồ 1 : 2.000 của Sở Địa-chánh nếu làng đã « đặc điền » rồi. Ruộng đất các làng ở Trung-châu Bắc-kỳ và nhiều tỉnh Trung-kỳ, Nam-kỳ đều đã đặc rồi. Bản đồ này có ngay ở làng, ở nhà Trưởng-bạ ; lại có một bản nữa để ở Huyện hay ở sở Địa-chánh tại tỉnh lỵ. Bản đồ này to lắm

pho lại có thể rộng bằng một cái chiếu. Ở sở Địa-chánh lại có một bản đồ nữa, 1 : 25.000 (gọi là *plan de bornage*) không giúp ích mấy.

Theo Bản đồ 1 : 2.000 ta nhận được nhiều điều cốt yếu về địa dư một làng : nhà ở, vườn, ruộng (có thể biết chỗ nào là ruộng cấy, chỗ nào là ruộng tự ; giới tuyến địa-hạ ra rìa kê-tru), đình, chùa, miếu, đường thôn, sông nước, ngôi, nương dân húc vào ruộng hay thoát nước ra, gò, tha-ma v. v..

Lẽ tất nhiên là nếu các bạn không có người chỉ dẫn thì các bản đồ — dù rõ ràng đến đâu — đối với các bạn cũng không ích lợi mấy : chỉ thấy vạch đen, xanh, đỏ. Một điều rất đáng tiếc là không có một lớp vào dạy qua về phương pháp học địa dư : trong lớp đó, cách « đọc bản đồ » cần phải chỉ ngay cho người theo học. Biết đọc bản đồ thì mới học địa dư được cũng như biết chữ Hán thì mới khảo-cứu về sử ta được.

B. — Các bản thống-kê.

1.) Thống kê thổ-khố hậu : Khi hậu ngay ở làng thì ai cũng biết được những về toàn vùng thì có thể kê-tru theo các con số về mua, nhiệt độ vãn vãn... của Sở Tài-niên-văn.

2.) Thống kê về số dân : phải làm lấy bản thống-kê này. Xem sổ họ, sổ giáp. Để xem làng (Xem tiếp trang 10)

Hop thu'

Vì một lẽ riêng bài : Việc giơng tụng chưa đăng được nơi kỳ này. Xin các bạn đọc lượng thứ.

Cộng H. N. S., Hà-nội. — Chúng tôi rất tiếc không đăng được bài của ông.

(Tiếp theo trang 4)

Sau Tu-mã-Thiên, một nhà sử dời vua Hòa đế nhà Đông-Hán (1) là Ban Cố chép bộ Hán-thư, 120 quyển (2). Lối chép sử theo niên-dại của Ban-Cố là lối chia sử sự theo đời vua « đoạn đại vi sử », khác với bộ Sử-ký Tu-mã-Thiên (130 quyển) chép theo lối thông sử chia sử làm nhiều phần như là bản-kỷ, niên-biểu, liệt-truyện v. v. ...

Theo Hán-sử của Ban-Cố mà tính thì đời Chu bắt đầu vào năm 1122 tr. G. T. Ban-Cố và Tu-mã-Thiên đều chưa có thể vận - dụng tài-liệu của Trung-thư kỷ-niên, bởi ấy chưa đào lên, Lối biên niên Ban-Cố là lối biên-niên dài. Ngày nay người ta thường dùng lối biên-niên ngắn.

So sánh hai lối kỷ-niên trên đây chúng ta thấy rằng :

1-) Vấn-đề niên-dại của lịch-sử Trung-quốc về trước thời-kỳ Cộng-hòa hiện còn nhiều chỗ bất phù giữa các lối biên-niên. Dem các bộ sử hiện còn thông-dụng mà đối chiếu cùng nhau, thì sự chênh-lệch không phải chỉ là một vài năm, giãm hay năm mà thôi, có lúc đến hơn hai trăm năm nữa. Trong tràng-kỳ vô-tận của thời-gian, con số đó có thể cho là khá thâm thía vào đâu. Nhưng biết cho đích xác cũng là một sự yêu-cầu cần-thiết của khoa-học.

2-) Trừ đời vua Thuấn ra, thì niên đại chép theo lời thứ nhất cũng là lối của Ban Cố « dài » hơn lối thứ hai. Một ít nhà khảo-cứu như Wieger theo lối thứ nhất, là lối chép theo Tu-mã-Quang trong bộ Thông-giám.. và Chu hi trong Thông

(1) Marcel Granet dùng chữ Historien des Premiers Hous. Có lẽ là vì Granet thấy Quang-vô, vua Trung-hưng nhà Tiên-hán (sau lúc Vương-Mạng cướp ngôi (8-23 sau G. T.)) cũng là con cháu họ Lưu (giống đời vua Hán-cao-Tổ). Nhưng các nhà sử vẫn quen dùng chữ Tiên Hán hay Tây-hán (Lưu-bang hay Lưu-quý hay Hán-cao-Tổ) trong đó ở Quan-trung về miền tây) để chỉ đời vua Hán tư Cao-tổ đến Nhữ-tư Anh (206 tr. G. T. đến 8 năm sau G. T.) và dùng chữ Hậu-han hay Đông-hán (Quang-vô đời kinh-dô về miền đông ở Lạc-dương tỉnh Hà-nam ngày nay) để chỉ eo đó nhà Hán sau lúc trung-hưng 25 sau G. T. đến 219).

(2) Ban-Cố chết trước lúc chép xong bộ Hán-thư. Người em gái là Ban-Chiên được vua Hòa-đế ủy cho việc chép nốt phần sử ở thu-viện Đông-quân. Ban-Chiên là vợ Tào-thức-Thực, đã làm thầy dạy Hoàng-hậu trong cung nên người ta cũng gọi là Tào-dại-gia. Ban-Cố và Ban-Chiên

giám Cuong mục. Nhưng phần niên biểu ngày nay người ta theo lối Liên niên ngắn.

3) Chỉ từ năm 841 tr. g. r — Cộng hòa — trở đi là niên đại của các nhà sử ta có thể gọi là phù hợp với nhau.

Đã có một lúc người ta quá tin vào niên đại và thể-hệ của tất cả các đời vua nước Tàu từ Bàn-phổ cho đến Tam-dại. Rồi lại có một lúc người ta hoài nghi hết tất cả bấy nhiêu thể-hệ và niên-dại. Một tập Textes historiques (Sử-liệu) người ta thấy một nhà khảo cứu như L. Wieger đã chịu khó đối chiếu âm-lịch và dương-lịch mà chưa cước phân minh hết cả các ngôi vua trong thời kỳ Tam-hoàng, Ngũ-đế. Trách nhiệm bấy nhiêu con số cộng-khế và khả nghi đó có lẽ hẳn là của các bộ Chính-sử Tàu. Mặc dầu những công trình so sánh của L. Wieger cũng đã đem nó mà truyền bá ra. Sau một thời kỳ « cả tin » một trào-lưu trái hẳn lại Lỗ-nghi hết sức với thể-hệ và niên đại chính sử. « Tân tín thư bất như vô thư » (1) câu châm ngôn của Tàu đó cũng đã biểu hiện được hai thái cực của công trình kế cứu sử-học Trung quốc ở Âu. Một nhà uyên bác như Maspéro đã có thể viết : « La civilisation n'est pas très antérieure en Extrême-Orient ». (2)

Vấn-đề niên đại trong thời kỳ Thượng-cổ Trung quốc hiện nay chưa có thể giải-quyết. Chúng ta thiếu sử-liệu để kê cứu. Bao nhiêu sử liệu còn lại đã trải qua nhiều công-lưu tô-diểm thêu vẽ của các nhà nho chánh tông. Một nhà học giả Trung quốc cuối thế kỷ trước đã nhận rằng : Kể bấy nhiêu bộ kinh truyện mười phần thì chỉ có nửa phần là có những lời giải thích chắc chắn và phù hợp với nhau ». Tuy vậy, dầu rằng chúng ta không đủ cơ sở để tin vào bấy nhiêu thể-hệ, niên đại, thì ta cũng không có lý gì mà phủ-nghị hết cả tập lịch sử đó. Trước hết lấy lý mà đoán thì một thời kỳ mà hiện nay không còn sự liệu nữa cũng chưa hẳn là một thời kỳ không có. Và nếu như lịch sử đã bị vướn nắn theo một mối truyền thông trong mấy nghìn năm đầu tiên cũng

(1) Hoàn toàn tin vào sách thì thì là không sách còn hơn.

(2) Văn minh Viễn-dông không cổ lắm

(3) Lối Tả của Tả Tông (Tuong chi Động ? do Eduard Charannes dẫn trong tập « Synthèse histo-

(I) (II)

Thời kỳ và đời vua	Xuân thu	Tư mã thiên	Thế-hệ kỷ niên dài	Thế-hệ kỷ niên ngắn	Docteur L. Wieger	Grousset Hist. de l'S O.	Granet
Bàn cờ					4477-2698		
Phục hi							
Nữ oa					4477-4368		
Thần móng					4362-3218		
Hoàng đế							
Thiếu hiệu							
Xuyên húc (hay là Cao dương)							
Đế cốt (hay là Cao Tân)					2135-2366		
Chi					2365-2358		
Nghiên (Đường)			2357-2256	2145-2043	2356-2256		
Thuấn (Ngũ)			2255-2206	2042-1990	2255-2224		
Nhà Hạ			2205-1767 (19 đời vua — 439 năm)	1989-1558 (17 đời vua — 432 năm)	2205-2198	1989-1559	
Vũ					2197-2189		
Khải					2188-2160		
Thái Khang				theo Trúc thu 471 năm	1818-1767		
Kiệt							
Nhà Thương			1766-1123 (28 đời vua — 644 năm)	1557-1050 (30 đời vua — 507 năm)	1766-1123	1558-1051	
Thang					1766-1754		
Thái giáp					1753-1721		
Bà canh				theo Trúc thu 496 năm	1401-1374		
Trụ					1151-1123		
Nhà Chu lên ngôi					1122-256	1050-256	
Võ vương			1122 . . .	1049 . . .	34 đời vua-866		
Thành vương			1122-1116	1049-1043	1122-1116		
Lê vương			1115-1079	1044-1008	1115-1079		
Cộng hòa		Bắt đầu từ năm 811			878-842		
Tuyên vương			841-828	841-828	841-828		841-823
U vương			827-782	827-782	827-782		828-782
Bình vương					781-771		781-771
					770-720		770-720
Xuân thu	Bắt đầu từ năm thứ nhất						
Tề Hoàn công	Ấn công nước						
Tấn Văn công	Lỗ : 722					685-643	683-643
Tổng Tương						636-628	636-628
Tần Mục công						651-635	650-637
Sở Trang công						653-621	650-621
						614-591	613-591
Chiến quốc					255-222		

CHÚ Ý. — 1) Xuân thu chỉ chép từ 722 giờ đi.

2) Tư mã Thiên chép lên đến 841.

3) L. Wieger trong « Textes historiques » theo thế-hệ I (biên niên dài). (Système de la chronologie longue). Granet, Grousset theo thế-hệ II (biên niên ngắn) (I) và (II) là hai thế-hệ cơ bản.

4) Từ năm 841 (trị Gia Tô) giờ đi, niên đại trong các thế-hệ đều đã đúng với nhau.

phải có những ký ức hay ý thức thanh sơ về những thời kỳ nguyên thủy và phải trư trạo truyền thống là dựa một ưu-điều trong mấy nghìn năm gọi (1)

Một điều chắc là trong trí thức sử-học hiện thời từ đời Cộng-hòa về trước chúng ta chưa có thể có một thể hệ gì là chính-sắc. Các sử-gia Âu Mỹ vẫn hết sức đề lại thái độ trung. Trong bộ Histoire de l'Extrême-Orient về hai tờ tài liệu trong thời kỳ Tam-dại R. Grousset đã theo lối biên niên trước và chưa cho đời (từ khởi từ 1900) và đến 1559 thì mất và nhà Tà trong tại bị vì và khoảng 1558-051.

Marcel Granet trong tập chép lịch-sử chính-trị Trung-quốc về thời-dại Ngã-đế và nhà Hạ nhà Thương cũng không hề dùng một con số nào cả. Ý-kiến tác-gia quyển La civilisation chinoise hết sức minh bạch: Il faut se ré igner comme Seu-Ma-Ts'ien l'avait déjà fait, à laisser sans doute tous les temps antérieurs à l'année 841 avant notre ère ? (2)

Herbert H. Gower trong bộ « Á châu sử » cho rằng « văn minh Trung-quốc có lẽ bắt đầu vào khoảng năm nghìn năm trước đây » cũng như có

(1) Nên đọc M. Granet, La civilisation chinoise trang 65.

(2) Dành phải theo Tư mã Thiên mà bỏ trống các thời kỳ trước năm 841 trước kỷ nguyên gia lô, dùng chép niên đại vậy.

thể chép những con số chính-sắc về các đời vua đời Sử-tiền. (1)

Bóng chim tìm cá, chẳng biết vấn-đề niên đại và thể-hệ rồi đây có ngày nào có thể giải quyết được cho minh-bạch hơn nữa hay không? Một mặt nữa, lịch-sử hồi ấy về mặt chính-trị « cũng không có gì là đặc-biệt, đáng chú ý. « Những dân-tộc sung sướng không nề có sử » Mà nghe đầu xưa kia dân Tàu sung sướng lắm. » Cày ruộng mà ăn, đào giếng mà uống, mặt trời mọc, ra đi làm; mặt trời lặn giờ về nhà. Cơm nước no nê rồi lấy năm ngón tay gõ nhịp trên tường da bọc để xủ một giấc cho say ». Nếu quả vậy, thì có lẽ cũng chẳng có gì là sử sự.

Mà cũng vì vậy nên thời kỳ thượng cổ Trung-quốc nếu có thể cho nhà sử học đáng chú ý thì có lẽ là trong phần đại-quan (vue d'ensemble) về một văn-minh của dân-tộc mà thôi.

D. T. M.

(1) Ở ta, gần đây đã xất bản được hai quyển sách về sử Trung-quốc.

Ông Đào duy Anh nghiên cứu về « văn-hóa ». Trong bộ « Trung-quốc văn hóa sử cương », từ cái biểu các triều vua dính vào sau sách, tại ông Anh không hề chưa niên đại một đời vua, một sử su nào trước năm 842 (tr. g 1). Ấy là chỗ dụng ý rất đáng phương pháp. Có lẽ trong cái bảng phụ vào đằng sau, ông Anh cũng nên theo một thể-hệ cơ bản cho nhất trí thì hơn.

Bộ « Trung quốc sử lược » của ông Phan Hoàng ? (Nhà in Mai Lĩnh Hà Nội Novembre 1943) cho rất nhiều con số về thể-hệ. Nhưng vẫn không có một cơ bản như định. Ấy là chưa kể những chỗ cần đính chính trong các linh năm.

Một điều nên chú ý là nếu không biên niên thì thôi. Nếu biên niên thì đã theo một lối nào thì nên chỉ rõ, và dùng luôn, để cho tiện sự khảo cứu của độc-giả.

... Lại phải học lại cách sinh hoạt, cách hành động công cộng, là mở rộng cái tâm thân của mình mà thu lấy những cái kết hùng vĩ của dân thể nó phối hiệp với những cái di truyền của tảo nhân cùng là những tiếng gọi của tương lai.

HÀNG MẠC TỰ

THƠ

IN ĐẸP — GIÁ BAY MÀU — THANH CỦA PHẠM TỰ
Giá mỗi cuốn : 5\$00

Mua lẻ thêm được 0\$50 — Không gửi lĩnh
hàng giao ngay — Mua buôn được trừ 25%.

Nơi bán:

ÔNG HOÀNG TRỌNG MIỀN

SỐ RA:

Màu xanh

Thơ của HOÀNG TRỌNG MIỀN

Cô dân Xấu xí

— Nguyên văn An-Đô của SANTA DÉVY

Bản dịch Pháp văn của MADELINE NOLLAND

NHƯ HÀ DỊCH

Nghỉ hè đã hết và, trên xe hỏa, những toa hạng ba chật ních người đủ các hạng. Trên toa dành riêng cho phụ-nữ người ta phải chú ý đến các bà đi tàu, họ rất đông mà họ sắp rớt vào một cái chuồng thuộc ruồi ba thuộc vẫn lấy làm thanh thoi. Tưởng như họ lấy làm sung sướng về khoản khoái trong khoảng chật hẹp kia, duy cái bằng Yết thị của Công ty : Mười chỗ, tự trên cao ngắm xuống họ bằng một sự kinh ngạc bậm hực.

Đã nửa đêm ; xe hỏa lăn đi vừa găm trong đêm tối yên lặng mang theo những hành khách mà giấc ngủ đã trốn dấu mất. Để khuấy khỏa, các bà chuyện trò thêm sự với nhau hình như những bạn chí-thân mà không phải chỉ là những bạn đồng-hành rồi hết đời không bao giờ họ còn gặp nhau và có khi chỉ nghĩ đến nhau thôi nữa.

Một bà, quê ở Bengale, nhưng sống ở các « tỉnh miền trên », cầm đầu câu chuyện. Một vệt son lớn, đánh giấu chỗ bà rẽ tóc tự ngày trẻ tuổi đã xa lắm, bây giờ như cảm thấy đứng chơ vơ và đôi hạt lén, và như túi thẹn. Một chiếc khăn quàng đàn ông quấn chung quanh thân thể đầy đặn của bà, nhưng bà ta cần-thận phở phây là liệt những đồ trang sức làm người ta ngổn mặt, mà không hợp với cái vẻ già móm của bà tí nào. Tuy các ghế đều chật cả, bà vẫn ngồi ngả-đầu nửa người dựa vào một bó những khăn mặt, một chiếc bình bằng nhôm to lớn và các thứ rau. Cứ theo cái cách bà ngồi chính chệch là rõ ràng là bà ta có ý trung thành với cái nguyên tắc *Appli* hãy tự giúp lấy anh ! dù ra sao cũng mặc.

Một cô học trò, chắc sinh ở một gia-đình có tư tưởng cấp tiến, ngồi eo rúm người trong một khoảng hẹp quá không đủ chứa một thân người. Cái thú này cô ta mong hưởng ở sự đi tàu mỗi lúc một lần lên cùng với đôi bạn gái của cô nàng

của mẹ già ngồi lên cạnh mỗi lúc càng tích thêm vào sự ồn ào nhíp lẹp chày. Từ trên cửa là gió ngang chướng kia rồi sau cũng hiểu rằng phải có lời xin lỗi thế nào.

— Xin lỗi cô em nhé Klôn rạn, già lão lại làm thế nào mà ngồi cứ gờm ra như vậy dễ được. Ấy ngày chạp tuổi cô, tôi có để người ngay người làng mới ốm dậy lên, mà không biết nói một Xưa kia tôi có thể vậy được.

Cô nữ sinh, lạc vào giữa đám hành khách e-lệ không đáp lại những lời thân mật kia, chỉ thỉnh thoảng sẽ mỉm cười.

Hai thiếu-phụ, bạn yếm lựa mẫu thiên thanh kể đôi gường với nước da sạm-đen đang luôn miệt g kể về với nhau những ưu-phiên ngày tuổi trẻ. Có lẽ họ thấy klủy lòng để thoả-lạc làm-ở trong trước đám đông những bộ mặt xa lạ. Họ già, vẫn chưa chủ nghe họ kể những nỗi đau khổ, nào một đứa con bị mẹ chết, ông kia bị chết, nào bị mẹ chồng đánh hạ, kể bị chồng chê, bỗng bỏ mặc cô thiếu-nữ đi bị mất-đầy — cô nữ sinh, — để tôi một thiếu-phụ :

— Bày giờ ! Tại sao chỉ không chịu đeo hoa lột gì cả ? Chỉ đã có ti ông chồng còn sống, mà thực ra, chỉ cũng không gì cả. Tại sao mà sao những thế ? Có, điều gì không giữa lòng bạn ?

Ngồi thiếu-phụ lớn hơn đáp :

— Thưa cụ, cụ tính rằng quanh năm sáu mươi thì còn biết gì ! Thế này gúng bưng vô ích. Lầu về nhà thấy đồ con để ăn cưới con bé cháu. Cũng may hoa lột bị mất cắp gần hết. Mẹ chồng con biết lại mấy g (ừ) con làm như con là quân ăn cắp vậy. Nhưng con cũng chẳng trách làm gì. Người ta mất vàng bạc mua nệm về mà lại đem mất đi, ai là chẳng tiếc ? (Ừ) đi đi, cho người ta

(Xem tiếp trang 20)

Nhân sinh địa dư

(Tiếp theo trang 3)

có bao nhiêu nhà (có thể theo bản đồ 1 : 2.000 được), ước xem mỗi nhà có bao nhiêu người. Phân tách xem số đàn ông bao nhiêu, đàn bà bao nhiêu, trẻ con bao nhiêu.

2.) *Thống kê về số sinh, tử trong làng.*
Lại nhà họ lại xem các sổ về số sinh, số tử. Nhưng phải chú ý về một thời gian độ nam hay mười nam : như thế, phải lên huyện xem các sổ cũ lưu trữ ở đây. Được các con số rồi, ta sẽ tính xem hàng năm, có bao nhiêu người chết và có bao nhiêu trẻ con sinh thêm ra (*taux de mortalité* và *taux de natalité*). Theo đó, ta có thể biết là số dân sẽ tăng lên hay giảm xuống và độ bao nhiêu.

C. — Khảo cứu về cách sinh nhai của dân làng

Ta nên chia dân làng ra hai hạng : hạng đi làm ăn «thiên hạ» và hạng sống ở làng. Đây là chưa kể số người «thiên hạ» đến ngụ cư ở làng.

1.) *Đi làm ăn ở thiên hạ* : là các người thợ, người buôn bán, người làm cu-li, người đi ở, các người đi làm ở công-sở : phần nhiều là khi trước gia sản của họ không có gì. Muốn sống, họ đã phải xa làng. Nhưng bây giờ, nhiều người trở nên khá giả, hoặc đã về ở lại, hoặc còn ở tỉnh xa nhưng vì có tiền, đã tậu vườn, ruộng, làm nhà ở làng.

2.) *Người «thiên hạ» tới ngụ cư ở làng*
trừ hạng nghèo, đói, thời có may người giàu, sang : nước tiền bạc, thế lực, mấy người này hoặc đã đến làm «đồn điền» ở làng hoặc đã mở mang một công-nghệ gì mà nguyên hiệu ở làng sẵn có. Dân làng vì nghèo hay vì nhiều lý khác, đã ví đất đai, nguyên liệu và nhân công của mình làm giàu cho mấy người ấy.

3.) *Sinh-nhai ở làng*, có dân làm tiểu công-nghệ (nếu làng có công nghiệp) và nhiều nhất là dân quê.

a) *Học về tiểu công nghiệp một làng.*

b) *Học về đời sống của dân quê.*

Hãy chia dân quê ra nhiều hạng, theo số ruộng của họ

Số người có : dưới năm sào — từ năm sào đến một mẫu — từ một đến ba mẫu — từ ba đến năm mẫu — từ năm đến mười mẫu — từ mười đến hai mươi mẫu — trên hai mươi mẫu —

1. — *Học về các đại-diện chủ.*

Xét ba hạng xã-hội trong làng, ta đứng về phương- diện xã-hội học. Nhưng nhân-sinh địa-dư phải căn cứ vào xã-hội học nhiều lắm. Các bạn rất nên để ý tới vấn đề này.

Sau khi ta đã biết làng có các hạng người sống như thế nào, ta học về cách làm ruộng

1. — Làng có bao nhiêu mẫu ruộng chiêm, ruộng mùa, ruộng mạ ; bao nhiêu mẫu đất ở hay chỉ làm mẫu được thôi (Kể cứ theo địa-hệ của làng vẽ về bản đồ, 1:20.000 hay 1:10.000 chỗ nào ruộng chiêm, ruộng mùa, ruộng hai mùa, v. v.)

2. — Cách làm ruộng như thế nào ? Vụ mùa, vụ chiêm : cấy cấy, gặt vào các tháng nào ? Làm mẫu sau vụ lúa như thế nào ? Trồng gì ? Ngô khoai, đậu, sắn... ? Cách trồng như thế nào ? Có phải do không ? Ngô và đậu cùng trồng trên một thửa hay không trồng lẫn với nhau.

3.) Xét về cách làm ruộng như thế, dân có đủ nước cấy, cấy hay thiếu nước ? Làm thế nào mà có nước tát vào ruộng ? Ruộng có nơi nào bị úng-thủy không ? Làm thế nào mà tháo nước ra được ?

Phải vẽ rất nhiều bản-đồ chỉ dẫn những điều khảo cứu.

Báo Thanh Nghị đã có đăng những bài khảo-cứu của Ô. Nghiêm xuân Yêm về cách sống của dân quê, về tiểu-diện-chủ... Ô. Nghiêm xuân Yêm là một nhà Kỹ-sư Canh nông đã để ý tới rất nhiều vấn-đề địa-dư : đủ tỏ cho ta biết là địa dư rất phức-tạp, nhưng chính vì địa-dư phức-tạp nên nó học đồ vui và có ích. Mục đích của nó là tả cảnh mọi điều có liên lạc tới đời sống của ta : nếu có thể được, ta sẽ giảng giải những điều nhận xét. Nhưng chỉ tả cảnh rõ-rệt, vẽ nhiều bản đồ đính theo cũng là làm một công việc khoa-học rất có giá trị rồi. Vì tài-liệu tìm được quý giá lắm.

Còn nhiều vấn-đề phải học nữa như đời sống

(Xem tiếp trang 27)

Địa thế, chu vận của doanh- nghiệp và tiết tấu của kinh-tế

(LES CONDITIONS GÉOGRAPHIQUES, LES CYCLES DES AFFAIRES
ET LE RYTHME DE LA VIE ÉCONOMIQUE)

A. A. dịch

Một học phái thứ ba chủ trương rằng địa vị có ảnh hưởng đến những cuộc thịnh suy tuần hoàn của doanh nghiệp, nghĩa là rút cục lại thì đời kinh tế của một xã hội là do nguyên tố địa dư định đoạt. Platon thường vẫn nói rằng những thiên tai như động đất, lụt lội, là những nguyên do sự suy vong của nhiều xã hội. Lại có nhiều tác giả khác cũng chủ trương rằng những chu vận thịnh suy của doanh nghiệp là đi song hàng với cuộc tuần hoàn của thời tiết.

Về liên đại cũng còn có nhiều tác giả theo thuyết ấy. Thí dụ thuyết «Thái dương hắc-điểm, với chu vận doanh nghiệp» của W. Stanley Jevons công bố năm 1875 (Jevons, W. S. *Investigations in Currency and Finance* 1874 tr. 194-243) rồi với thuyết ấy thay đổi đôi chút của H. S. Stanley Jevons công bố năm 1909 (Jevons, H. S. «The Causes of Unemployment» *The Contemporary Review* 1909 tr. 165-189); thuyết của W. H. Shaw về sản lượng lúa mì và biến thiên thời tiết (Shaw, W. N. «An Apparent Periodicity in the Yield of Wheat» v. v. *Proceedings of the Royal Society Series A* vol. LXXVII (1906) tr. 69-76). Thuyết của Bruckner về thời tiết thay đổi và kinh tế thặng dư (Bruckner «Der Einfluss d. Klimaschwankungen auf die Ernteerträge und Getreidepreise in Europa» *Geographische Zeitschrift* vol. I (1895) tr. 39-51, 100-108); thuyết của H. H. Clayton về những cuộc khủng hoảng thương mại ở Mỹ-quốc với những mùa cạn nước ở sông Ohio (Clayton H. H. «The influence of Rainfall on Commerce and Cities» *Popular science Monthly* (dec. 1901); thuyết tương tự của W. H. Beveridge (Beveridge W. H. «British

exports and the Barometer» *The Economic Journal* (Mars 1920); «Weather and Harvest Cycles» *The Economic Journal* 1921. tr. 429-449). Thuyết khí tượng về chu vận doanh nghiệp của E. Huntington (Huntington, E. *World Power and Evolution*, 1919 ch. II, III, IV, và của H. L. Moore, sinh năm 1869). (Moore H. L. *Economic cycles* N. Y. 1923). Còn nhiều sách đại loại cũng như thế, nhưng không thể đi deeper kiến giải mới, nên không đáng kể vào đây. Tuy vậy của W. S. Jevons và một phần của thuyết H. S. Jevons ngày nay không thể bỏ qua được nữa (Moore H. L. s. v. t. tr. 149). Những thuyết khác cũng tương tự như thế. Những thuyết mới nhất và có tính cách khoa học nhất là của Beveridge và Moore, cho nên sau đây tôi chỉ phân tích và phê bình thuyết của hai ông ấy và một giả thuyết hơi khác của Huntington.

Đại lược thuyết của H. C. Moore có thể tóm tắt như sau đây:

Những nguyên tố khí tượng tức là mưa) trong Trung Mỹ và có lẽ ở nhiều địa hạt khác ở hoàn-cầu đều có những chu vận 33 năm hoặc 8 năm, do đó mà những sản lượng mùa màng cũng theo những chu vận tương đương, «những chu vận mùa màng ấy là cái nguyên do thiếu nhiên nó làm biến thiên thời giá và sinh ra tiết tấu của kinh-tế là những đợt tương trực tiếp đến sự khảo cứu của nhà kinh-tế học» (Moore H. L. s. v. t. trang 53).

Cứ theo cách phân tích bằng toán pháp của ông Moore thì sự quan liên giữa sản lượng mùa màng và thủy độ trung bình những trận mưa trong giống sông Ohio về những mùa đại hạn nhất (tháng bảy

tháng tám, có thể đặt bằng con số R; 584. Tim được tỷ số ấy ông Moore lại đi tìm một tỷ số nữa để biểu thị sự liên hệ giữa chu vận mùa màng và chu vận doanh nghiệp. Thuyết của ông như sau đây:

« Sản lượng mùa màng khi lên khi xuống là định đoạt chu vận của kinh tế; khi sản lượng tăng lên thì thương mại kỹ nghệ và công nhân lại tăng lên; Sự nhu cầu sản phẩm cũng tăng lên; đường khúc tiền nhu cầu những nông sản cũng tăng lên rồi kết quả là làm cho thời giá đều cao lên. Nếu sản lượng mùa màng mà bớt đi thì có một sự biến thiên trái lại ».

Thuyết ấy dựa vào một sự phân tích rất kỹ càng căn cứ vào sự biến cải của doanh nghiệp (biến cải ấy lượng bằng sự sản xuất gang) và sản lượng mùa màng. Hệ số của sự liên lạc ấy là $R = 718$, nhưng bây giờ chu vận doanh nghiệp cũng chậm hơn chu vận mùa màng là một, hai năm. Hệ số của chu vận mùa màng với chu vận thời giá lại cao hơn nữa (cách nhau gần bốn năm): Hệ số ấy là $R = 800$ (Moore H. L. s. k. t. trang 147). Đại thể thuyết ấy là như thế.

Thuyết chu vận doanh nghiệp của Beveridge cũng tương tự như thuyết của Moore. Chỉ khác nhau về giữ kiện (données), về phương pháp và một vài kết luận. Đại khái thuyết của ông như sau đây:

Giá lúa mì ở Trung-Âu và Tây-Âu từ năm 1500 đến năm 1869 cứ lên xuống theo một dịp phụ là 15, 2 hay là 15,4 năm. Theo ý ông thì chu vận ấy đúng với chu vận mùa màng, mà chu vận mùa màng lại ấn định bởi chu vận thời tiết. Cũng còn nhiều nguyên-tố khác có ảnh hưởng đến sự thời giá lên xuống nhưng có chính là thời tiết. « Phải nhận rằng giây khúc tiền của thời giá là phản ảnh của mùa màng ». Trong bài luận thuyết đầu ông nói rằng chu vận là 15,2 hay 15,4 năm là đi đôi với một chu vận tương đương của thời tiết gây lên bởi tác động của thái-dương. Trong bài luận thuyết thứ hai, vì cần phải giả một vài điều chỉ trích của nhà khí-tượng học W. W. Bryan làm tổng thu lý của Hội Société Météorologique Royale, Beveridge lại giải diễn thuyết của ông một cách phức tạp hơn. Ông cũng nhận rằng chu vận của mùa màng Thái-dương không phải là 15 năm

năm mà chỉ 11 năm thôi. Ông thử rằng « Số 15,3 năm không có ở trong một văn kiện khí-tượng nào cả » Nhưng ông chủ-trương rằng chu-vận thời tiết theo dịp 4,38 hay 4,77 hay 8,34 năm. Và lại chu vận thủy độ là 4,37 năm. Vậy dịp 15, 3 hay 30,6 năm có thể đem chia ra theo đúng với những chu vận 4,38, 4,77, 8,34, 4,37 năm nó là những chu vận tương đương với những dịp biến thiên khí-tượng. Rồi trong cách phân tích bởi giá của ông, ngoài những chu-vận 15 và 30, năm ông lại thêm những chu-vận 4, 38, 5, 11, 2, 74, 3, 71, 34, 992, 48, 74 và 271 năm (Beveridge *Weather and harvest cycles*).

Đại lược thuyết của Beveridge là thế. Những thuyết khí tượng đều tương-tự với thuyết của Moore và Beveridge nhưng không được chắc chắn bằng vì giữ kiện không được nhiều bằng.

Thuyết của Huntington thì hơi khác. Ông tìm cách-liên lạc thời tiết với kinh tế không phải bằng mùa màng nhưng bằng sức khỏe của nhân dân mà chính sức khỏe ấy lại có liên lạc với thời tiết. Phần quan-trọng của luận thuyết của ông là thời tiết thay đổi nên sức khỏe của người vùng là hiệu-lực của công việc bằng trí não hay công việc của chân tay cũng theo thời tiết mà thay đổi? Vì đó mà doanh-nghiệp kinh tế cũng thay đổi. Ông tìm cách chứng minh thuyết ấy bằng nhiều giữ kiện trong đó quan trọng nhất là những giữ kiện nó biểu thị sự song-liên giữa tử số và cuộc thịnh suy doanh nghiệp của các nước Connecticut, New York, Massachusetts và Chicago từ năm 1870 đến năm 1910. « Cứ thường thường một tử số cao (làm tiêu biểu cho sức khỏe của nhân dân), rồi đến ngay một thời kỳ khủng hoảng, trái lại khi thấy một tử số thấp thì sau đây là một cuộc thịnh vượng. Cái sức khỏe là một nguyên do chứ không phải là một kết quả của doanh nghiệp. Mà sức khỏe thì mật thiết liên lạc với thời tiết. » Đại thể thuyết của Huntington là thế (Huntington E. *World and Evolution* trang 29, 31 và chương 3, 4.

Nay ta hãy xét xem những thuyết ấy có giá trị gì không. Ta công nhận rằng những sự thay đổi về địa dư có ảnh hưởng đến những cuộc biến thiên kinh tế, ảnh hưởng ấy một đôi khi rất quan trọng. Những cuộc động đất hay là những cuộc đại

hạn, thủy潦 và những thiên tai khác tương đương đều có thể làm khủng hoảng nền kinh tế và có khi đưa xã hội vào bước nguy nan. Nhưng những thiên tai ghê gớm ấy thường rất ít và rất ngắn ngủi. Cho nên trong lịch sử xã hội gần hàng mấy nghìn năm, những thiên tai ấy so với những cuộc biến cải nhấm tào của xã hội, không thấm vào đâu.

Hai nữa ta không thể không công nhận rằng thời tiết và địa dư là một nguyên ủy dễ giảng giải phẩm lượng của mùa màng và thậm chí cả những cuộc thay đổi của chu vận doanh nghiệp trong những nước nóng bản. Nhưng đầu là tác nhân trong phạm vi nông nghiệp có hạn chế, nếu đem những nguyên tố ngoài địa dư mà can thiệp vào như là khoa học canh nông, chỉ đạo công nghệ, sự chăm sóc vùn vùn..., và nếu phát hưng thương mại, tăng lợi giao thông, thì ảnh hưởng của địa dư cũng bị một phần thủ tiêu bởi sự can thiệp ấy. Và lại trong một khu vực địa dư, nguyên tố địa dư ít khi giống hệt nhau; có khi lợi chỗ này thì lại bất lợi chỗ khác; chỉ vì thế mà ảnh hưởng của nó đã bị tương tiêu rồi, và không thể nào có ảnh hưởng đến đời kinh tế của xã hội được. Nhưng dù sao ta cũng phải công nhận rằng địa dư có một phần ảnh hưởng đến kinh tế.

Nhưng ảnh hưởng ấy có quan trọng đến nỗi rằng những hiện tượng như là chu vận doanh nghiệp, chu vận thời giá là phần ảnh của địa dư chăng? Có thể bảo rằng sự quan-liên ấy thật thiết thiết nỗi người ta có thể khám thấy nó cả trong những xã hội lý tưởng. Đó là một lời câu hỏi ấy một cách cá quyết. Nhưng có một điều chắc chắn là phải hay không phải cũng đều có thể biện lẽ ra được cả. Những nhận xét đáng chú ý nhất của những thuyết gia thuyết của ông Beveridge là như sau đây; một là họ chủ trương rằng thời tiết có một chu vận bất định (như là bắc diêm của Thái dương hay mưa gió) và nhân đó họ tìm cách liên lạc những chu vận ấy với chu vận của doanh nghiệp. Nếu quả là có một chu vận thiên nhiên như thế xưa, ta cũng còn lấy làm băn khoăn vì mỗi tác giả giải diễn những chu vận ấy một cách khác nhau. Theo Moore thì những chu vận ấy là 8 và 33 năm; theo Beveridge thì 4, 37, 54, 11, 12, 34, 15, 3, 10, 6

chu vận là 10, 44, 2, 7, 7 và 11 năm; theo W. N. Shaw thì 2, 75 và 3, 77 năm; theo Bruckner thì 35 năm v, v, ... Chu vận của họ dài ngắn không đều nhau thì chắc dấu rằng thời tiết có chu vận như thế thật, hay đó chỉ là kết quả của những bài toán luân quần của ni lông mà học giả ấy thôi.

Có học giả như là giáo sư Moore thì tính những chu vận ấy theo những con số tỷ lệ độ trong miền sông Ohio nhưng có học giả khác lại đi tìm chu vận thời tiết trong chu vận giá lúa mì. Và lại những chu vận của Beveridge khác nhau nhiều quá đến nỗi ta có thể bảo rằng như thế cũng như là không có chu vận nhất định: bảo rằng có những chu vận 2 3 4 5, 7, 11, 15 v, v, năm thì cũng như bảo rằng không có chu vận nào cả. Vậy thì cái nhọc nhằn tìm nhất của những thuyết ấy là cơ sở không chắc chắn nên người ta cũng rất ngờ cái giá trị của nó. Nguyên do thứ hai là chính ngay chu vận bắc diêm Thái dương hay là chu vận của thời tiết cũng không có gì là chắc chắn. Tuy thuyết của Anselm Siester nói rằng chu vận bắc diêm Thái dương là 11 năm được nhiều người tán thành nhưng ta cũng nên nhận rằng chu vận ấy chỉ là số trung bình của những con số từ 16 đến 6 năm trong khoảng từ năm 1750 đến năm 1906. (Bắc diêm Thái dương to nhất vào những năm: 1750, 1764, 1770, 1778, 1804, 1817, 1830; 1837, 1848, 1860, 1871, 1883, 1893, 1906. Nhưng quãng bắc diêm Thái dương ít nhất đại thể cũng tương tự như thế.) Cứ một giây số thì bao giờ cũng có một con số trung bình vậy thì khoảng 11 năm là một số trung bình thì không thể nào coi được rằng là một chu vận thực tại của bắc diêm Thái dương. Và lại nhiều nhà khí tượng học khác lại tìm thấy những chu vận bắc diêm Thái dương khác và những chu vận thời tiết khác? Sự tương phản giữa các nhà khí tượng học chứng tỏ rằng chưa chắc đã có chu vận về những hiện tượng ấy. Có một vài nhà nguyên môn tư danh một mục không tin là bắc diêm Thái dương hay thời tiết có thể có chu vận được. Họ nghi như thế cũng là phải. Một thí dụ. Bài khảo luận nhan đề là «Thời tiết và chu vận» của ông Walter W. Bryant tổng thư ký danh dự của hội Société Météorologique Royale. Trong bài khảo luận của ông, ông biện bạch rằng không có chu vận của bắc diêm Thái dương, của ảnh hưởng Neuvet, cần đối với thủy triều

mà cũng không có chu vận thời tiết. « Căn cứ vào giữ kiện của phông vũ biểu, lời đã xé nhừng son số từ năm 1843 đến năm 1904 (Người Ấn độ và nhiều nơi khác) và từ năm 1873 đến 1903 (Về Bắc Mỹ) thì những con số của phông vũ biểu không hề cho thấy tỏ rằng có một chu vận thời tiết là 15 năm (mà ông Beveridge đã giám cả quyết là có trong bài khảo luận thứ nhất của ông).

Còn như chu vận hắc điểm của Thái dương, ông Bryant luật tại rằng giáo sư Kimourra đã nghiên cứu những lần diện từ năm 1752 đến năm 1911 và đã phas ra một khúc uốn rồi dựa vào đó mà đoán những chu vận đến năm 1950. « Nhưng những con số thực, trái hẳn với những con số dự đoán về năm thứ nhất, và từ đó trở đi cứ mỗi năm lại càng sai. « Các giả kết luận rằng. Một là không có một chu vận, nhất định về nơi hai tượng hai là cứ hạn (thực thì một chu vận dự đoán của giả chưa có ích gì. Ông Beveridge trong bài khảo luận thứ hai của ông đã công nhận những sự chỉ trích ấy là đúng. Ông không ca quyết như trước nữa và không nói gì đến chu vận 15 năm. Ông thêm vào những chu vận khác hẳn về thời gian nhưng ông không cho biết những chu vận tương đương về thời tiết, kết cục ông tổng luận rằng : « không có cái gì chắc chắn bằng là đi tìm chu vận thời tiết. Nhưng được vàng mà rồi lại hóa ra đất, nhưng chu vận 15, 3 năm thì hình như quá là có tính chất vãng ».

Thực ra thì đó là một câu thú thực rằng thuyết của ông không chắc chắn. Nhất là ông dự tính trước rằng năm 1923, 1924, 1925 là mùa màng rất xấu, mà thực ra thì những năm ấy mùa màng lại không xấu, thành ra thuyết của ông lại càng giảm giá.

Như thế nghĩa là theo khóa những thuyết khí tượng (có một chu vận nhất định của hắc điểm Thái dương hay ở chỗ đổi thay thời tiết) thật ra là ông chao đo eo. Cố nhiên những luận thuyết xây dựng lên dựa trên cơ sở như thế thì còn thạc thân gì. Tác giả không đồng ý với nhau về trước đó có những chu vận ấy : đó là một chứng cứ. Chu vận doanh nghiệp và chu vận khí tượng lại không ăn khớp nhau đó là bài cổ chứng tỏ rằng những thuyết ấy không đáng tin. Muốn tránh khỏi

những chu vận để cho hợp với thuyết của họ nhưng rút cục họ vẫn rơi vào vòng vô ích. Một vài tác giả lại vẫn cố sức gò chu vận thời tiết với chu vận doanh nghiệp mà tuyên bố rằng hai thứ chu vận ấy cách nhau một, hai, ba, bốn năm. Như vậy cố nhiên sẽ theo lời phản chỉ như thế và lời đặt ra những thời gian cách quãng thì dầu không có liên can thực ngoài ta cũng có thể tìm ra một mối liên can cho-ên chuyện.

Vả lại những dữ kiện được phân tích kỹ càng phụ là của giáo sư Moore thì có tính cách địa-nhượng-quá không thể đem ra làm một thứ quy luật chung và không thể căn cứ vào đó mà bảo rằng sự thay đổi sản lượng mùa màng là nguyên do của chu vận kinh tế. Nó chỉ là một nguyên do chứ không phải tất cả nguyên do. Vả lại mới rằng mất mùa thì kinh tế suy mà được mùa thì kinh tế thịnh cũng chưa chắc đã đúng.

« Có nhiều trường hợp doanh nghiệp thịnh đi đôi với mùa màng tốt và doanh nghiệp suy đi đôi với mùa màng xấu. Nhưng liên can của doanh nghiệp với mùa màng không rõ bằng sự liên can của doanh nghiệp đối với khoáng nghệ (gang và than). Năm 1899 ở Mỹ năm 1895 ở Anh năm 1897 ở Pháp năm 1907 ở Đức đều là những năm mất mùa mà chính những năm ấy là những năm doanh nghiệp phát đạt. Năm 1908 ở Mỹ năm 1902 ở Anh năm 1903 ở Pháp năm 1902 ở Đức đều là những năm được mùa mà doanh nghiệp lại suy. Trong một nước nông nghiệp thì được mùa làm cho doanh nghiệp thịnh mất mùa làm cho doanh nghiệp suy. Nhưng không phải bao giờ cũng thế là vì còn có nhiều nguyên do khác có khi có ảnh hưởng quan trọng hơn là mùa màng (Mutchell, W. *Business cycles* trang 227-229 ; 452-453).

Vả chăng sức sản xuất lúa mì gang và than cũng không đi đều với nhau.

Vì những lẽ kể trên nên vì tất đã có một sự liên can giữa thời tiết với các chu vận kinh tế ; những luận thuyết về những thứ chu vận song hành phụ thế chưa đủ để chứng minh ; và những trường hợp mà ta nhận quả có một sự liên can như thế thì cũng cần xét xem biết đâu không phải là một sự ngẫu nhiên. Ảnh hưởng địa dư về kinh tế rất

ĐÔI THOẠI GIỮA BA NGHỆ SĨ

MỘT THI SĨ, MỘT HỌA SĨ, MỘT NHẠC SĨ.

DINH GIA TRINH

* THI SĨ (Nói với họa sĩ và nhạc sĩ) : — « Ba chúng ta đây đều phụng sự cái đẹp cả. Sắc lá, màu trời và màu của trời bên trong chúng ta. Chúng ta hiến cho đời những món ăn cao quý, chúng ta tổ chức cho cuộc nhân sinh thêm tươi đẹp, thêm dễ sống. Nghệ thuật là một giải phóng ; giải phóng con người ta khỏi cái tù ngục nơm nứa của thực sự. Chúng ta cho thế nhân những chiếc cánh để họ bay bổng, để họ hít cái không khí lạ, êm và say sưa của những tầng không gian xa nơi bụi bặm ở lớp của họ. Người ta bảo chúng ta, nghệ sĩ, là một lũ nói dối, đem những niềm đáng của một lý tưởng hiến cho sự thêm muốn bao giờ cũng bất mãn của người đời. Nhưng người đời vẫn yêu chúng ta, vì thực ra tâm hồn họ vẫn khao khát một cái gì êm, siêu việt, ở trên và ở ngoài thực sự. Vì đời người là thô sơ và rất khắc nghiệt. « Là vie. . . cette pauvre chose », như một thi sĩ ở thời chúng ta đã viết. Và lại Thượng Đế tạo con người ta, gieo những ước vọng không bờ bến vào trong lòng, khiến con người ta muốn, muốn mãi, rồi ôm vớ cả những cái bóng hư ảo của mộng tưởng. . . Đến cả những kẻ ngu tục, óc và tim không được văn minh giáo hóa, cũng thoáng có lúc rung động trước cái đẹp của nghệ thuật : bức họa một phong cảnh đẹp, một điệu đàn du dương, vài câu thơ âm nhịp với nguồn cảm hứng hoặc hoàn cảnh hiện tại của họ. Có lẽ bảo mỹ thuật là những xa xỉ phẩm. Không, không phải thế ! Chúng ta tìm thấy chỗ của chúng ta trong cả khối óc và trái tim của kẻ bình thường của người cùng dân ngu dốt. Trong mỗi người ta có một tiếng nói (như như siêu lý) cái gốc

rễ của loài người ngóng chờ vươn lên trong Thượng Đế, một cái gì đẹp vô cùng.

HỌA SĨ : — Riêng nói về mỹ thuật của tôi : họa sĩ làm trường cửu cái đẹp của muôn vật. Hôm nọ ở một phòng triển lãm, có những khách thăm trầm ngâm hàng giờ trước một bức họa hoàng hôn, như say mê cái nền trời màu đỏ nhạt, cợt lẩn vàng, xanh, và tím. Chiếc nhà cỏ dưới bóng chiều như có một linh hồn. Lá cây im lặng, cả bức tranh như một lời cầu nguyện, một nghỉ ngơi, một chia biệt. Hoàng hôn nào trên mặt đất mà không biến đổi như vầng cầu, và màu nào trên mặt đất mà không trá hình qua giây phút ? Thiếu nữ nào trên đời mà sắc đẹp còn tồn tại mãi như trong tranh của tôi, cũng như thần thể nào còn kiều diễm mãi không mòn nát như ở lúc tưng nòng Vệ nữ xứ Milo ?

NHẠC SĨ : — Cũng cái điệu đàn nói lòng yêu xưa đã thốt ra từ tâm hồn một chàng Beethoven hoặc Strauss, nay còn gọi những mỹ cảm về yêu đương ở lòng kẻ đa tình muốn xir. Cái nhạc điệu lạ lẫm, rộn rã, húng hởi, thể lương của bài *Crépuscule des Dieux* ngày nay còn làm rung động bất cứ một người nào yêu âm nhạc trong những giờ chiều. Nghệ thuật là một tái tạo không ngừng, và bởi chung nhạc sĩ viết đàn sống mãnh liệt hết sức và cao hết sức, nên y sống họ tất cả mọi người.

THI SĨ : (Hạt hươ) — Xem như thế thì sự mệnh của chúng ta quan trọng là dường nào ! (Cúi xuống trông quần áo sặc sỡ của chàng, chiếc giày cũ bên chân phải đã rách một bên và bị bám, trông màu sạm kệt). Thế mà tôi ăn mặc cây cỏ và dốt lè như thế này. O, đã 10 hôm.

ngày không đánh giầy. Mà không ở nó xin về vì ít công quá; lại lại chủ nhà sống thanh bạch, nó thiết gì, và chắc nó tìm đến xin việc một chỗ nhàn nháo có thể khách hai ngày trong tuần lễ, để nó được say sưa chè rượu và đồ ăn ngon, nói triết lý với bạn nó như Ray, Blas. Mình ca ngợi những điển ngộ của trai thanh gái lịch, mình xếp đặt những cuộc đi chơi dưới lá, chàng bánh bao sạch sẽ, nàng dịu dàng thỏm tho, mà nào mình có bao giờ bần thần, mà người giai nhân trong mộng đâu ở trong đám những đàn bà thô bỉ và nóng cạn hàng ngày mình gặp !

Mã hảo chí mình tôi như thế. Anh nhạc-sĩ của tôi mỗi buổi chiều thường làm khách qua đường dừng bước lắng tai bên cửa sổ, anh chả vẫn thường ngó với tôi những phiến muộn của anh về gia đình và sinh kế là gì ? Anh bảo vợ anh hay om sòm cãi lộn với anh và coi anh khi cầm đàn dạo những điệu tấu tuyệt là một hồng ân hại ; con anh sắp đưa nuôi ăn cũng rất vả ; và nhiều lúc ngoài đường mưa gió, anh thấy mưa như gieo giọt buồn và thất vọng vào trái tim nghệ sĩ dễ cảm của anh. Anh lại bảo với tôi rằng thuở thanh niên anh chả biết thú yếu đương là gì và chưa có một người đàn bà đã nói với anh những lời tha thiết và đi chơi với anh dưới ánh giăng. Thế mà chiều chiều anh không quên cho hàng xóm xa gần nghe bài Clair de lune de Werther của Massenet, và tay của anh ấy, lăm giầy đàn tái tình đến nỗi người thiếu phụ đời chồng đi phương xa chưa về, ở đầu phố cuối giầy bên kia, đang đọc một trang tiểu thuyết ly kỳ, cũng phải dừng lại nghe thấy anh bước, bước đi song song, tay cầm tay với Charlotte trên bờ biển. Và anh họa sĩ nữa, anh bài trí các căn phòng cho người ta sao đẹp thế, dè dặt ghép hầu sao cổ duyên thế, và ai vào nhà ông M... ở phố H, mà không thán phục cái khiếu thẩm mỹ và cái tài tạo đẹp của anh. Nhưng, nói anh đừng giận, nhà cửa anh vừa bài quá, và màu của cái màn vải xanh đã cũ ở cửa buồng làm việc vừa dùng làm phòng ngủ của anh, lẽ cũng không du gì lắm cái màu đỏ hồng nhợt nhạt

của tấm lúc tường mà người chủ nhà keo lẩn đã không chịu quét với từ năm năm nay

HỌA SĨ : (Trong ngẫm và rầu rĩ) — Có như thế, nhưng nghệ sĩ chúng mình thường nghèo quá. Họa sĩ làm việc cho những kẻ có tiền bạc mà không đủ tiền bạc để sửa sang đời mình. Những kẻ có tiền bạc mua những mảnh linh hồn của họa sĩ. Ở nhà tôi có còn bức tranh đẹp nào đâu ? Bức nào đẹp người ta mua cả rồi: bức «Người tư tưởng» bảy giờ treo trên lưng khách mặt công y khoa bác sĩ chưa bệnh cở hòng ở thanh phố này; bức «Tôn giáo» được công chúng tán thưởng năm 193... nay ở trên tường nhà ông chủ nhà lảng ở phố F.F... Mà một bức vẽ đẹp nào có được bản thứ hai ? Chỉ có một bức vẽ La Joconde. Bức La Joconde để ở một viện bảo tàng còn có, n lên ngàn người tới xem, chứ những tác phẩm của tôi, sau năm mười ngày phở phàng ở phòng triển lãm, đã trở nên vật riêng của người này người nọ, đều không phải là tác giả nó. Chỉ có người mua nó, với giá nhân người ấy, với một số ít ỏi họ khác lại khách đến chơi nhà người ấy là trông thấy mỹ phẩm đó thôi. Thế mà khi cầm bút vẽ phởng nét, tôi n chu, tất cả lòng tôi đã để vào tấm lụa trắng tiết trên đó một thế giới thộn hình do một bàn tay được tập luyện.

NHẠC SĨ : — Nghệ sĩ chúng mình thường nghèo quá. Phải chăng đó là ý muốn dành hạnh của hóa công? Cũng có như nhà nghệ sĩ có vườn ruộng, nhà cửa, gia sản lớn. Chả có những nhà thơ làm Thượng thư đó là gì, phải không anh tạn thi sĩ ? Nhưng đa số chúng ta sống một đời sống vật chất vất vả, Có lẽ như thế mới tốt, vì tiền tài nó ghê gớm lắm, — người ta nói thế, — và nó lôi thiên tài đi đến chỗ truy lạc. Tiền, tiền. Sơ lắm. Ta đừng tiếc. Có nghèo thì mới đi bộ lang thang và buổi chiều dừng chân bên đồi cảm cái điểm lệ của giới đất. Có nghèo mới gặp nhiều thất-vọng, đau thương mới nói những lời bất hủ. Chàng trai nhà giàu được cha mẹ hỏi cho một cô thiếu nữ nhà giàu làm vợ, tình duyên đâu còn có éo le, thương nhớ đâu còn thắc mắc, và những bài hóa âm bất tuyệt đâu có kết thành ~~Những bài~~

đi xe ngựa không biết thế nào là cánh bướm, lời chim, mùi cỏ. Họ tục tũn lắm. Tiền làm cho người ta trở nên nôm na, bỉ ổi, nóng ẹn.

Vả lại nghệ sĩ giàu sao được. Một đời tận tụy với nghề, còn có phứt nào đi buôn bán. Món mỹ thuật không cần thiết như gạo, vải nên nào có dễ trao đổi lấy kim ngân. Phải một đời lặn lội và mười năm khổ hạnh để gầy một giờ mỹ cảm. Năm nay tôi ba mươi nhăm tuổi, tôi học đàn từ năm lên mười. Hai mươi nhăm năm bạn cùng bốn cái giây này (chỉ cái đàn violon để ở trên bàn, trong hộp), có khi mùa rét tập luyện quá nửa đêm làm hàng xóm ghét mặt. Mà tới nay tài năng tôi nào đã được tới độ hoàn mỹ! Nghệ thuật dài mà đời ngắn», hình như có một tiểu thuyết gia nào nói thế thì phải. Nếu tới đây nửa thời giờ ra buôn bán, làm công sở, thì tài năng của tôi chỉ còn không được một nửa. Mà ở mỹ thuật, hoặc là hoàn mỹ hoặc là không có giá gì cả.

THI SĨ : — Thế nghĩa là nếu anh họa sĩ mà giàu có thì anh sẽ có một buồng khách lịch sự trang hoàng bởi cái tài của chính anh. Nhưng vì anh ở thuê, và không có tiền quét vôi lại bốn bức tường và thay cái màn cửa cũ, nên bất kể anh phải chịu đựng cái trái mỹ thuật dưới mắt mỹ thuật của anh. Còn anh nhạc sĩ, nếu anh phong lưu hơn, với tài hoa kỳ sao anh chả được hưởng sự sung sướng của yếu đuối trong loại nghèo và bài « Sáng giăng » sẽ là bóng vang của tâm sự thực của anh. Như vậy thì đồng tiền cũng có ích cho nghệ sĩ đấy chứ, miễn là nghệ sĩ biết chế phục nó. Tôi nhớ có lúc hết vốn liếng đến gõ cửa nhà một người bạn, thấy sự tiếp đãi lạnh lùng mà cảm giận, rồi sự căm hơn đuổi Nàng Thơ đi mấy hôm đồng, cho đến lúc tâm hồn lại trở lại với những tình thì ca quen ca ngợi.

Nhưng chúng ta có cơ an ủi : sự mệnh của chúng ta. Mỗi khi tôi nghĩ rằng thi phẩm của tôi muốn ngàn cuốn ở khắp cõi đất này, lúc ở tủ sách lộng lẫy của những kẻ lớn trong thiên hạ, lúc ở trên bàn học sơ sài của cậu học sinh, lúc ở tay một vị công chúa

thông minh và đa cảm, lúc dưới gối một chàng thanh niên đi tìm y nghĩa của cuộc đời, thì tôi thấy sung sướng vô cùng. Và cái thú đọc lại thơ mình, cảm thấy mình sống...

NHẠC SĨ : — Về phương diện ấy thi sĩ may mắn hơn chúng tôi. Thi sĩ dùng văn tự mà văn tự là những dấu hiệu tiện lợi nhất để phổ thông ý tưởng và tình tình. Đọc giả đọc thơ anh, hiểu anh, rung động cái tình anh tả, hoặc một tình tương tự. Nghề in đem rập khôn thành muôn vạn bản, muôn vạn người đọc, rồi đọc lại, mà thi sĩ cũng giữ được một cuốn sau khi biểu bạn bè dăm ba cuốn. Và thuở tám mươi tuổi, thi sĩ còn giữ lại cuốn thơ viết hồi trẻ, đọc lại những bài « Chiều thu », « Ánh nắng » Nghề của nhạc sĩ bạc bẽo hơn. Nhạc sĩ tác động bằng âm thanh. Những dấu ký âm chỉ là những nét nguệch ngoạc. Nếu nhạc sĩ viết tác phẩm âm nhạc, sự phổ cập của tác phẩm họ phải nhờ cậy ở những nghệ sĩ nhạc công diễn đạt cái âm nhạc của tác giả bằng một tài khổ luyện. Nhạc công mà vất vả thì tác phẩm của họ tốn sớ không còn giá trị gì nữa. Sự truyền bá thành ra có hai đợt. Nhạc sĩ tạo, nhạc công tái tạo, rồi mới đến tai thính giả. Thi ca đi trực tiếp từ tác giả tới độc giả. Nhạc công cũng là một nghệ sĩ, và không nhiều như thợ nhá in, vì thế âm nhạc (âm nhạc tuyệt diệu) phổ cập không rộng bằng thơ. Nay thì dù có một nhạc công đại tài, Thanh âm đẹp làm say sưa người nghe, nhưng bài đàn dạo song còn vết tích gì đâu? Nó tận mạt trong không khí, nó biến ngay sau khi sinh. Những dấu ký âm linh động ở trên giá đàn, lúc gập vào trong hai mảnh bìa, lại trở lại thành những nét không linh hồn.

HỌA SĨ : — Tuy vậy những bài đàn cũng được truyền bá dễ dãi như những bài thơ, tuy nó được ít người mua như thơ. Nhạc sĩ đạo lại tác phẩm của mình còn tìm thấy mình, như thi sĩ. Nhưng họa sĩ tạo tác phẩm chỉ có một bản. Một bản ấy lại không thể nhân số lên muôn vạn mà không mất hẳn giá trị. Vẫn biết một bài thơ hay chỉ làm được một bản, cũng như một bản nhạc bất hủ. . .

THI SĨ: — Chính thế. Ngươi nọ có kẻ trộm ban đêm vào lấy đồ vật trong buồng sạch ở nhà tôi. Sáng dậy đưa ở nhỏ kẻ che tôi biết rằng mất này đồng hồ, này lọ hoa này cái áo vắt ở tay ghế; nó phải ngạc nhiên khó chịu khi thấy tôi chẳng để ý gì đến những mất mát tại hại ~~nh~~ cả, mà chỉ hỏi có mất cái tập giấy nát để ở ~~trên~~ chiếc đồng hồ bị nhắc đi không. Vì tập giấy nát ấy ghi mấy bài thơ tôi vừa làm hôm trước, sắp gửi đăng ở một tờ báo; nếu kẻ trộm lấy mất thì không sao làm lại được. Một cái đồng hồ thì khi có tiền mua cái khác, nhưng ai tìm lại được cảm hứng đặc biệt trong một phút giây?

HỌA SĨ: — Bài thơ hay, bài nhạc hay, tuy chỉ cấu tạo được một lần, nhưng nghệ ẩn loắt lăm nhân số bài thơ ấy, bản nhạc ấy, mà không làm hại đến tính chất của nó. Bài thơ trên giấy trắng hoặc giấy đen, ở tay anh ở tay tôi, vẫn là bài thơ của tác giả. Tác không ở màu giấy, nét chữ, mà ở ý trong chữ, trong câu. Trái lại giá trị của bức họa là ở nét bút và màu. Chụp bức tranh ư? Những hình chụp chỉ là những tấm ảnh, không phải là họa phẩm. Bức họa độc nhất ấy lại thường không ở lâu với họa sĩ. Họa sĩ cần phải bán tranh để sống, muốn bán tranh dễ dơ cái cao thấp của tài mình, và để hài chút lòng tự ái. Về giá xướng của họa sĩ trống rỗng, và các tác phẩm của họa sĩ phiêu bạt mọi nơi như những đứa con lớn khôn đời hổ nhà cha mẹ đi bốn phương. Sự phở cấp của họa phẩm lại còn eo hẹp hơn cả sự phở cấp âm nhạc.

HỌA SĨ: — Những sự bất lợi về phương diện phở cấp có lẽ lại là một cái lợi. Tác phẩm độc nhất ấy không ai dám xâm phạm tới. Có ai đặt bút tô thêm má hồng cho La Joconde của Léonard de Vinci hoặc nặn thêm một thớ thịt cho pho tượng Le Penseur của Rodin đâu. Thế mà qua các thời đại, hoặc vì thất truyền hoặc vì người ta ngủ quên sửa chữa lại thơ người trước, cái tác phẩm thơ độc nhất có khi bị xâm phạm tại hại. Mà thơ phở cấp dễ, lại dùng ngôn từ là lối diễn đạt tư tưởng thông thường, nên nhiều kẻ vô tài háo danh

hường lẫn xả vào thi đàn, cho nên vàng thạ chen cạnh nhau nhiều lắm. Ở nghề họa vẽ kén cỏi thì tự mình thái mình rất nhanh chóng ra ngoài đất mỹ thuật. Nhà thơ họ kiên cường lắm và khó phục thiện...

NHẠC SĨ: Mớ oira sô thông ra ngoài, thặng đem đã bại ở đường phở)

— Chiều tôi rồi. Thôi chúng ta hãy tạm nghỉ luận về mỹ thuật mà đi tìm cảm hứng mỹ thuật. Cái làm sống người qua trước mặt ta kia: (Lơ đãng) Có lẽ họ đi nghe hòa nhạc về, Phải, hôm nay có hòa nhạc ở vườn hoa P B (Vui ư?) Thời nhàn ngày này như ham âm - nhạc hơn trước. Có lẽ những đau thương và bối rối nó vô sé tâm trạng mọi người trên thế giới trong cơn binh lửa này, đã khiến người ta khát khao những cảm xúc an ủi. Đời càng xấu xa, người đời càng gọi mỹ thuật, và nghệ sĩ chúng ta là những vị cứu thế mạo áo trắng rộng, dài chum đất, nhằm nói những lời tiên tri đẹp, tay rẩy nước cam lồ, Tôn giáo cũng chỉ là một thứ mỹ thuật.

Trời tối rồi. Chúng ta lại tiệm rượu Kỳ-Ngô đi. Chiều hôm nay ở đó có âm nhạc, một đoàn nhạc công ngoài quốc mới sang tiệm rượu Kỳ-Ngô... (Quay lại phía họa sĩ) Anh họa sĩ có một bức tranh treo ở đó, trong gian phòng đằng phía trước, ở trên gác có nhiều người ăn uống nhất. Buổi nắng chiều xế, bóng lá cây sưa trước nhà thường, nó rớt trên cái oanh thớt nỉ ~~đỏ~~ lủa ~~ch~~ ánh. Nghệ thuật ở trong sinh sống hằng ngày của người ta. Ai dám bảo nghệ sĩ là phở nhàn?

Tháng giêng 1944

ĐINH GIA TRINH

Ô-TÔ NHÀ LẦU
CÁI MỘNG ĐỎ
SẼ THÀNH SỰ THỰC
NẾU CÁC NGÀI BỎ 1% QĐ
MUA VÉ SỐ ĐỒNG - PHÁP

CÁI BÀN THỜ

N. HUYNH PHUONG

... Chị ơi ! Sẻ đây ánh sáng, sẽ rất huy-hoàng khi thấp hai ngọn bạch lập lên. Ánh lửa tắt thừng liêng, cho nên dù tươi sáng, huy-hoàng nhưng cũng rất trang nghiêm. Ấy là cái bàn thờ mơ ước của em. Ước mơ một cái bàn thờ. Vàng, chình thế đấy, chị ạ.

Đạo này, em thăm nghĩ luôn đến cái bàn thờ sẽ có của em. Nghĩ đến bằng tấm lòng thiết tha và thành kính.

Sẻ là một cái bàn bé nhỏ, sơn trắng. Muốn cho khỏi lộ trơ trên bốn cái chân bàn khẳng khiu, em sẽ giải một chiếc khăn, cổ nhiên cũng màu trắng, vắt chấm đất, phủ kín bốn chung quanh bàn. Trên bàn, sẽ chỉ bày dăm dĩa mấy thứ mà thôi : một bình hương nhỏ bằng xứ, một cái đĩa để đựng hoa bằng pha lê, hai cây nến bé nhỏ, xinh xắn bằng bạc. Không phải em ưa xa xỉ đâu. Chỉ là em thích ở cái bàn thờ ấy vật gì cũng màu trắng. Màu trắng của vải, của men xứ, của pha-lê, của bạc, và được óm trùm bằng ánh sáng trắng, sẽ là cả một sự trong sạch.

Đã từ lâu nay, sau khi mọi người trong gia đình đã yên ngủ và trước khi em lên giường nằm, bao giờ em cũng làm một lễ cầu nguyện. Thường là lúc đêm khuya đã xuống, và các hương hoa say dậy với âm thầm, một mình em lặng lẽ ra sân, hướng về phía đông cầu nguyện.

Lời cầu nguyện của em thường chỉ là những lời : « Xin Thượng-Đế chí công, chí chính, xin các đấng Thần-minh cao cả giúp sức cho con yêu mến sự làm việc, cho con làm trọn bổn phận ở đời ? »

Sau bao lâu bán khoán về nghĩa sống, mỗi tâm hồn đều tìm lẽ phải duy nhất cho một cuộc sống chính đáng, em thấy chỉ là : « cố yêu đời, làm việc, và luyện lấy một lòng nhân-tử, bác ái rộng rãi ».

Nhiều tình cảm, rộng lòng yêu mến, nghĩ đến

người khác, sẵn lòng hy sinh, thì đàn bà thường được tạo hóa phú cho những tính ấy rồi, nhất là thiếu nữ. Cho nên em chỉ lo lắng thiếu lòng yêu sự làm việc mà thôi.

Những lúc em không làm việc, em thấy như là em thôi sống. Mà những lúc tâm hồn mệt mỏi, chán, ngại làm việc thì lại rất thường có.

Em yêu đời, muốn dài cuộc sống, nên phải nhờ thần minh giúp sức cho dễ chăm chỉ làm việc.

Em thấy em như một đám tro hồng, có được một làn gió thổi lên mới bùng lửa, nếu không, sẽ vạc dần đến tắt mà thôi. Làn gió cần phải có để thổi dậy ánh lửa của lòng yêu sự làm việc của em, em phải trông nhờ ở Thượng Đế. Xin chị đừng cười em non dại của chị yếu mềm, ít nghị lực. Hỡi chị yêu dấu, xét cho em, dấu sao cũng chỉ là hồn gái.

Câu cầu nguyện đôi lần thay đổi : « Xin Thượng Đế phú hộ cho con báo hiếu được cha con » hoặc : « Xin Thượng Đế cho tất cả mọi người chung quanh con được sung sướng. »

Bằng một lòng chân-thành, lúc nào em cũng mong muốn như người chung quanh em được sung sướng. Đây không phải là lời « khoe mình » của em vì biết đây là ý tốt. Xin chị cũng đừng vội khen em. Không hẳn là lòng tốt nghĩ nhiều đến người khác đâu. Mà chính vì chỉ do em nghĩ đến em mà thôi. Thực vậy, em rất muốn sung sướng. Nhưng em đã không thể nào yên hưởng sung sướng được khi thấy những người chung quanh em khổ.

Còn câu cầu nguyện : « Xin Thượng Đế thương con là kẻ giốc lòng tin ngưỡng cái linh của Thượng Đế mà run rủi cho con gặp được một người... chồng hiền lương, quân tử. » Em nóng mặt khi kể đến câu này đây. Nhưng chị ơi ! Với chị em đã không dám tiếc một sự gì, không dám

đầu một điều gì, cho đầu những điều thêm kia cần ở ấp của một cô gái.

* Những ý nghĩ của một người đàn bà ! Tôi bằng lòng đánh đổi cả một đời để được biết ». Đó là câu của một triết nhân nọ. Chị coi ! Quan trọng là đường nào. Bằng lòng đánh đổi cả một đời chỉ vì vẻ bề ngoài là những ý nghĩ của một người đàn bà. Và, xin chị hãy nhận tấm lòng em tin cậy và kính mến chị biết bao nhiêu.

Có biết bao lần, giữa cảnh thanh vắng trong đêm khuya u tịch, em đã thi thảm khẩn cầu Thượng Đế thưởng cho em về sự lúc nào ăn ở cũng hết sức giữ gìn đạo nghĩa mà tìm cho em một người bạn trăm năm tịch tịch cao quý.

Chắc chị không lạ gì rằng thường cuộc đời người đàn bà được thờ phụng người chồng thích hợp với tâm hồn mình cũng là một lý sống rồi. Ấy thế mà nếu người chồng không xứng đáng với lòng mơ ước của đời-con gái thì đời sống của người đàn bà sẽ luôn biết mấy !

Sau bóng Thượng Đế, người đời rất có công trong sự chiếu ánh sáng vào tâm hồn người đàn bà.

* Trái lại, người chồng sẽ là gáo nước lạnh rơi vào ngọn lửa lòng tươi sáng của người đàn bà, sẽ là ngọn lửa hun nung tâm hồn nát mẻ của người đàn bà, nếu là người chồng không như ý nguyện.

Người chồng quan hệ cho đời người đàn bà lắm, chị biết ! Cho nên em muốn thận trọng trong sự kén chọn và cũng phải nhờ Thần minh giúp sức.

Em không cần danh vọng, vì đây có phải là một lẽ sống chính đáng cho đời người đàn bà đâu. Tiền của, em không chú ý cho lắm ; Không biết sau này sự thực của đời sẽ ra thế nào, hiện giờ em tưởng rằng với một tấm lòng giàu có cũng đủ mua được tất cả mọi vật ở đời, cũng đủ thắng đoạt mọi nỗi khổ khăn. Em chỉ tưởng như một tấm lòng cao quý.

Vậy thì, người chồng mơ ước của em sẽ rgleo cũng được; chẳng yếu gì đi được, em sẽ lật lọng sẵn sào chàng. Em chỉ mong chàng là người biết tôn trọng sự trong sạch của cả thể chất và tâm hồn. Em đang tìm kiếm, chàng có lộ mặt thanh

thanh, cặp mắt chàng sẽ sáng trong bóng tối, cặp mắt ấy khi nhìn cái bản thì ở của em cũng kính cẩn tỉ mỉ với em. Chàng sẽ không đi mạnh, không nói to, không cười khi đến bên cái bản thì ở. Chàng sẽ dễ yên lặng cho em được tự do trong giờ cầu nguyện, cũng như em sẽ rất kính trọng những lúc chàng suy nghĩ.

Nhưng phải kể đến một điều cốt yếu trước nhất là chàng sẽ không ngăn cấm tấm lòng tín ngưỡng ở Thượng Đế của em. Vì chính bởi vì có tấm lòng tín ngưỡng ấy, em mới vui sống được,

Nhân danh sống ở đời bao năm rồi, nhưng em thấy em mới chính thức « sống » từ khi em để lòng tín ngưỡng ở Thượng Đế.

Như những người cần phải có một lý-tưởng tuyệt mỹ để thờ phụng, lý-tưởng chuộc đẹp, lý-tưởng ham học, lý-tưởng yêu nước v. v. . . , em thờ phụng tấm lòng tín-ngưỡng cầu mong thượng-Đế giúp sức cho em làm trọn bổn-phận, làm một người xứng đáng sống ở đời.

**

Lễ cầu nguyện buổi tối của em thường bị cách quãng bởi những luồng mưa gió. Cho nên mới đây em có ý thiết lập một bàn thờ ở trong nhà. Em muốn cái bàn thờ ấy phải bày ở một nơi tịch mịch, cao trọng nhất trong gia đình. Gian phòng riêng bé nhỏ của em tuy có tịch mịch, nhưng thiếu vẻ tôn nghiêm. Nội cao trượng nhất của nhà là thì bàn thờ chung của cả gia đình đã tiếm chỗ mất rồi. Cho nên em chỉ đành đợi đến khi em có gia đình riêng, và nếu được « chàng » của em cho phép em sẽ làm thực hiện cái mộng có cái bàn thờ ấy.

Hiện giờ thì lúc nào em cũng hình dung ra cái bàn thờ ấy với màu trắng, ánh sáng chói lòa.

Tối đến, lúc lên giường nằm, cái bàn thờ hiện ra ở trên đỉnh màn. Niêm mắt vào thì cái bàn thờ lại ở ngay mi mắt dưới. Ánh sáng bên ngoài còn sít động lại trong mắt làm mắt « hoa » lên, và cái bàn thờ nhờ thế lại tăng thêm phần trắng. Thường khi chợt tỉnh giấc ngủ, em thấy em còn đang nằm nhăm : « Trắng quá ! Sáng quá. » ! Em đã nghĩ đến cái bàn thờ cả trong lúc mơ.

Em còn nghĩ sẵn cả những lời cầu nguyện cho hoàn-cảnh địa vị sau này của em. Nhưng chỉ đứng

cười em Mía đấy ! Trời ơi ! Em then thưng quá đi mất. Nhưng thôi, em cũng cứ kể.

Em định sẽ phải cầu nguyện như thế này : « Xin Thượng Đế che chở cho con đặng yên ổn, đủ sức làm trọn được bổn-phận làm vợ, giữ trọn đạo với chồng con suốt đời. » Và : « Xin Thượng Đế xui khiến chồng con yêu sự làm việc cho xã-hội công, nhưng cũng vẫn nghĩ đến con. »

Thực vậy, chị ạ, tuy em rất sợ sự chẳng chị nghĩ đến gia đình mà quên lãng nhiệm-vụ với xã hội, nhưng em cũng không muốn chằng mãi làm việc cho đời đến quên hẳn em. Đó là lòng hiền yếu của em, xin thú tội cả cùng chị. Và tại em nghĩ rằng : « Người ta sống ở đời, mục-dịch há chẳng phải là làm sao cho mọi người cùng sung sướng đó ư. »

Em biết trước rằng em sẽ rất sợ sự « chẳng », của em không làm gì, an nhàn quá, cũng như em không muốn chằng làm việc thái quá đến hủy-hoại cả sức khỏe.

Như nhà họa sĩ khéo điều hòa màu sắc trong một bức tranh, em muốn cả chàng và em sẽ biết điều hòa sự làm việc và sự nghỉ ngơi trong cuộc đời. Ấy tuy em kê cả « em » vào đấy, nhưng sự thực thì em vẫn muốn sẽ trọn đời tận tụy làm việc phụng-sự cho chàng, dù hao mòn sức khỏe cũng được. Đây có phải là tính di-truyền của bà chúng ta, mẹ chúng ta, hay do máu huyết, tâm tính người đàn bà Việt-Nam, người đàn bà Á-Đông, và có lẽ hầu hết đàn bà trên thế gian này đều thế cả ?

Có bao giờ tất cả đàn ông trên thế gian này, người nào cũng dành ra một phút-chỉ cần một phút mà thôi — để suy nghĩ về lòng người đàn bà không nhỉ ! Lòng người đàn bà ? Thực là phức tạp, nhưng là lòng phức tạp có những trái ngược rất đáng yêu, đây là lòng người đàn bà đối với chồng. Người đàn bà muốn đặng bảo đảm chắc chắn bởi người chồng, muốn chồng biết bổn phận sẵn sàng đối họ, nhưng lại rất thích xả thân ra làm việc, sẵn sàng cho chồng hơn cho chính thân họ. Người đàn bà muốn chồng là cái mái hiên che chở để cầu mình những lúc gió m ra, nhưng rất thích là cây xanh có bóng rợp để che mát cho khách bộ hành dừng bước sau khi đã mỏi chân trên đường nắng gắt là người chồng những khi

Có lẽ em phải cầu nguyện Thượng-Đế thêm điều nữa là xin Thượng Đế thương xót tất cả mọi người đàn bà hiền lành ở trên thế gian này, ai nấy đều gặp đặng người chồng tốt. Nếu có thể được, mà không sợ là quá tham lam thì em muốn cầu xin Thượng Đế ban cho tất cả đàn ông trên thế gian này tính hiền hậu bao nhiêu, nhất là hiền hậu với đàn bà.

Chao ôi ! Biết bao điều em trông chờ tin cậy ở Thượng-đế sau này. Cũng như biết bao điều nhờ ở Thượng-đế—từ ngày em biết tin ngưỡng—mà em đã đặng sung sướng. Có lẽ vì em thành kính tin ngưỡng nên Thượng-đế thương em mà ngự ở lòng em, ban cho em một tấm lòng rất thanh thản. Em đã biết bình tĩnh chịu những sự khổ sở, đau lòng. Em tin chắc rằng cuộc đời mai sau của em sẽ không bị khổ sở gì nữa ; vì em đã lòng trước tất cả những sự khổ sở gì sẽ có thể xảy ra, và chờ đón từ bây giờ. Làm quen với oái ả khổ rồi cho nên không sợ nữa, và thế là sẽ sung sướng có phải không thưa chị ?

Với sự kén nhàn vắng của em, trước kia em khó chịu biết bao nhiêu, vì chắc chị đã thừa hiểu em vốn yêu sự « Đẹp » biết là dường nào. Nhưng nay đã có lời Thượng-đế vững vàng bên tai em bảo rằng :

— « Phải vui vẻ chịu nhận những sự gì không tốt đẹp chẳng thể tránh đặng ở trong đời. »

Em nghe theo và hết sức tìm tòi những cái tốt đẹp của mình có để cho lòng vui sướng. Em nghĩ ngay đến câu :

« Mỹ nhân tự cổ như danh tướng
Bất hứa nhân gian kiến bạch đầu »

Và tự yên ủi rằng : « Đây, đẹp lắm có quý gì. Mình chắc chắc sống lâu rồi. Cũng là cái tốt... »

Còn cái cảnh coi cút thiếu tình mẹ của chúng ta nữa. Trước kia, em cho là khổ biết bao. Nhưng đủ khóc lớn lên hay than thầm đêm ngày thì người mẹ mệnh bạc của chúng ta cũng không sống lại được. Em lại nhận lấy những điều hay trong cảnh trái dở Em thì thầm tự bảo rằng : « Nếu mẹ còn được nuông chiều, ta tất nung nịu lắm đấy và có lẽ đến sinh hư... »

Người mẹ hiền của chúng ta còn sống hẳn nuông chiều em lắm đấy Vì em thấy các cô đi, các bác kể lại rằng trước chết, mẹ nức nở khóc

nhớ tất cả mọi người trông nom dùm tôi còn cháu nhỏ. Tôi thương nó nhất và rất sợ nó sẽ khổ. Tôi nghiệp! Mới bốn tuổi đầu... Trước khi nhắm mắt hẳn, mẹ còn phều phào nói một câu qua hơi thở: «Cho tất cả con gái tôi theo học chữ Tây, thời đại nào cũng được vậy. Nhớ thế cho... Học chữ Tây...»

Nhắc đến mẹ, em thấy lòng se lại...

Có phải đây cũng là một trong những người đàn bà Việt-nam rất có công với gia đình tận tụy với chồng con đến lúc chết. Đến hơi thở cuối cùng còn nhắc mãi những việc đời còn lại. Khi sống, trọn đời vất vả, lúc chết, thân trở về cát bụi, thế là hết, không mấy người biết đến, không được một lời ghi tặng nhỏ ơn.

Những bậc anh hùng được mọi người sùng bái đời đời. Những chiến sĩ chết vì Tổ-quốc, được người đời dựng đài kỷ niệm, những người có công với xã hội, được người đời tôn thờ, danh lưu truyền muôn năm. Còn mẹ và những bà Việt-nam khác đã chết đi — có người chính chết vì gia đình cũng có công gián tiếp với xã hội, vì đã khéo duy trì nền tảng gia đình, mà nào có được mấy ai biết đến công lao! Hay chỉ có em đây dựng đài kỷ niệm mẹ và tất cả những bà vô danh khác trong tim, óc em mà thôi!

Đã bao lần, em muốn chết đi vì nghĩ đến mẹ. Mà em còn sống đến ngày nay cũng vì nghĩ đến mẹ....

Từ lúc còn đề trái đào theo mực tàu, giấy bện cho đến sau này theo dõi sang bút sắt, giấy tây em thú thực với chị rằng em đã chẳng chú ý đến những lời dạy về đạo nghĩa của cả Âu, Á, cổ, kim. Em gắng giữ gia truyền cách cho hợp đạo nghĩa chỉ vì lòng thương mẹ, vì một ý nghĩ hẹp hòi này mà thôi: Em không muốn người đời (?) phải gọi mẹ bậc phước đã chết yếu, mà con cái lại chẳng ra gì.

Trong quãng đời em đã sống, bao nhiêu ý nghĩ và việc làm, em cố tô chuốt cho thành tốt đẹp, cũng vì em nghĩ đến người mẹ xấu số và muốn mẹ được thỏa vọng linh nơi chín suối.

Chị ơi! Có phải đã nhờ ở cái cảnh cô góa mà em mới chịu chịu đời đức hạnh đấy thôi? Đây là tâm lý thực của em hay là do-phương pháp tìm cái đẹp trong cái xấu, tìm điều hay trong cảnh dở, thì thì em muốn biểu hiện thế nào cũng được. Chỉ biết

hiện giờ em đang là người rất sung sướng, hay tự cho là sung sướng, cũng thế.

Chắc chị không lạ gì tính tình phũ phàng của em khi xưa? Bây giờ thì muốn ý, vận tình của em đều quy cả về có một mối: «cái bàn thờ» hay là lòng bà ngưỡng của em.

Cặp mắt em vốn to rồi. Em không muốn to hơn nữa. Cái gì thái quá cũng không tốt phải không chị? Cho nên em không dám nghĩ đến chị nhiều: Mỗi khi nghĩ đến chị, em thấy như mắt em dần to ra... Và cũng bởi hiện giờ ế đã còn mãi nghĩ đến một vật: «Trăng xóa, đầy ánh sáng, rất huy hoàng, nhưng cũng rất trang nghiêm» cái bàn thờ của em!

(Đề gửi chị Nguyễn-văn-Uyên)

Nguyễn-Phượng

Dia thể, chu văn...

(Tiếp theo trang 14)

nhiên là phải công nhận nhưng ảnh hưởng ấy hay bị thủ tiêu vì những nguyên do khác thành ra có liên lạc nhưng rất lỏng (trừ những lúc thiên tài) và không thể nào đặt thành một công thức toán pháp được.

Thuyết của Huntington thì thiên về ảnh hưởng của khí hậu đối với sức khỏe và hoạt động của người, ta sẽ có dịp xét đến cơ sở thuyết ấy không chắc chắn và phương pháp cũng dữ kiện của ông cũng có nhiều khuyết điểm. Đại khái thuyết của ông lại còn nhiều khuyết điểm hơn những thuyết trên này. Ta sẽ dành một đoạn riêng để phê bình sự liên lạc giữa khí hậu và sức khỏe, vậy bây giờ ta không cần bàn thuyết của ông.

Nói tóm lại trong phạm vi kinh tế đáng lẽ ra địa dư có một ảnh hưởng trực tiếp và khá quan trọng như người ta vẫn tưởng, nhưng thực ra ảnh hưởng ấy không đủ mạnh để đánh đổ những nguyên tố khác để biểu thị những sự quan liên nhất định và giải thích được những cuộc tiến hóa kinh tế trong nhiều xã hội khác nhau hay trong một xã hội nhưng về thời đại khác nhau. Không công nhận ảnh hưởng của địa dư đối với kinh tế là một sự lầm, nhưng coi ảnh hưởng ấy quá quan trọng như nhiều học giả thì cũng là một sự lầm.

— A. A. dia —

Cô dâu xấu xí

23

(Tiếp theo trang 5)

đẹp bu lại được đâu! Nhưng ma con đã thế không
hào giờ để chỗ đồ vàng còn lại nữa, người ta
hỏi rửa như tưới vào thầy con, mỗi lần đồ vàng
cọ sát vào da thịt, con càng thêm chua xót.

Mụ già, vừa cằn, thậm thích đầu gối vào
suốt cô thiếu nữ đội mũ kiểu mới nhất — cô
nữ sinh, — vừa đáp:

— Sao còn một cách lại không làm. Giá chi
cứ mua ngay đồ nọ mà đeo thì có phải khỏi bị
chửi mắng không, — bao giờ có tiền lại mua của
thai thay vào.

Một bà bạn với mụ già kêu lên

— Thôi, bà chị. Sao bà chị nhất định cứ
khuyên bảo người ta những điều lạ lùng như
thế? Bà chị thử nhìn nói đi một lần xem sao nào?

Mụ cãi lại:

— Chà! tôi không thể ngồi yên nhìn người
khác đau đớn được! Chỉ ấy vậy thôi, mà tôi
biết đường cứu vớt chị ấy ra, không như tôi ngồi
im mà yên lòng được à? Tôi thì việc dữ đến thế
nào tôi cũng có phương cứu chữa được hết

Từ trước đến giờ một người mẹ còn trẻ tuổi
vẫn ngồi lặng trên ghế, trong một số tối.
Người thiếu phụ đó đặt năm trên đầu gối một đứa
bé ốm không cựa cạy, trông như một con cá khô
chứ không phải người. Y đeo trên mũi một chiếc
vòng lượn quanh như một đồng hồ. Lao quanh
một nơi, bành cõ. Y chỉ mặc một chiếc sarí bằng
sợi bông và một chiếc áo hịt may xung bằng thứ
vải nhẹ nhất. Thế nhưng mà đứa con nhỏ y thì
thực là chết ngồi trong mớ những áo nỉ và khăn
quàng. Thỉnh thoảng đứa bé bị cực dọa một mắt
ra và la kêu về cái khổ hình đó. Thế là người mẹ
âu yếm kéo lên mũi khăn vải nếp khăn bành, — theo
y đó là cách diệu nhất để làm cho con ngủ.

Y lấy làm kinh ngạc khi nghe nói cái tài lạ của
mụ già, và tự nhiên y sách lại gần, vào tầm mắt
bà lão từ từ kia. Mụ rày vừa ngáp và đập tay để

— Cháu lên mấy? Sao nó ốm quá nhỉ! Cháu
được bao nhiêu tháng rồi?

— Dạ, cụ dạy phải. Lạy Mẫu, cháu được vừa
một năm sáu tháng. Không bao giờ con giám cho
cháu ra ngoài, con hết sức giữ cho cháu khỏi bị
cảm. Giới nóng nực đều thế này con cũng vẫn đóng
cửa sổ. Ấy cần thậm thế mà cháu vẫn cứ quật
quẹo luôn!

— Thôi lại cậu làm rồi, — mụ đồng cốt kia
đáp — Phải via Cậu đấy. Thôi! Chỉ còn cách tìm
đến Chandernagor tắm cho nó ở cái ao ấy thôi.

Có mà Giới biết Cậu đó là chỉ vị hung thần nào
nhưng người mẹ kia thì thục tử lẳng, kinh hãi vì
Cậu, vội vàng hỏi:

Lấy cụ, ao đó ở chỗ nào? Chúng con sắp qua
Chandernagor, con sẽ tắm cho cháu.

Mụ Binu, bạn của mụ già, lúc nào cũng muốn
phản-đối, nói sen vào.

— Này Tara-didi, bà đừng ồm ồm ở với cái mạng
con cái người ta như thế đi. Thuốc thang bà mách
chào gì đấy! Rồi là ông sợ nhớ người ta oán mịc
mà rả à?

Tara-didi sắp sửa phẫn vua cho đức chữa
bệnh thần hiệu của cái ao thì bỗng mụ chợt đi
chỗ khác, không phải vì tâm dờ ở một ga sếp,
mà vì một người đàn bà góa vừa lấp tắp bước
vào toa, tay ôm đồm hai chiếc hộp sắt lầy, một
hộp lớn những đồ đan đủ các kiểu, theo sau là
một đứa con gái và một đứa con gái. Người đàn
bà vừa mở cửa toa thì mus ào tạt vào sau. Những
hành khách ngồi cạnh cửa cầu nhàu và mọi
mắt đổ dồn vào người đàn bà góa tội
nghiep. Người này có vẻ rất hiền lành. Tóc đã
diềm hoa râm trên trán, nhưng mình còn thẳng
và chàng kiện. Đứa con gái chừng lên sáu lên
bảy, đứa con gái độ mười hai, mười ba. Cô bé
này da sạm đen, người cao, gầy, hai mắt tròn sọc
mà không lộ một linh tinh gì cả, có vẻ dầm dợn
ngây ngốc, thêm chiếc trán rộng lại càng rộng
thêm vì tóc cô lật kết ra sau gáy để tối thành búi.

trou thanh hóm ở giữa với một mớ những trâm cài, trông tựa như chiếc bánh xe mà vành là tóc quăn và những trâm là nan hoa. Mặt cô ta bình tĩnh, vô cùng nhưng mà rỗng tuếch, không một dấu vết của thông minh, bình như chừng chờ một người nào khác đem lại cho chút sinh khí. Quần áo cô bé mặc lối thời lệch thếch, mặc dầu cô và mẹ cô cố gắng trang điểm cho đúng thời thượng, nó chỉ làm vẻ xấu xí của cô càng rõ rệt thêm lên.

Cô bé lúc mới vào toa người ướt đầm, và cô đứng yên trong một số. Người mẹ chỉ vừa tìm đủ chỗ cho mình và con gái ngồi; và cô con gái đứng ở chỗ, tay luôn luôn loay hoay với một cái bọc to không hình thù gì cả, nhưng không phải là không nặng.

— Kalo, — người mẹ nói —, sao mày cứ đứng sững ra đấy? Ngồi xuống có được không?

Nhưng bà ta xét ra không cần hỏi xem con gái bà có chỗ nào mà ngồi. Cô con gái ngoar ngoãn vâng lời mẹ bằng cách ngồi xồm ngay xuống sàn toa chán đầy nước. Cô ấy cô ta không có ý nghĩ rằng mình cũng có quyền ngồi trên ghế như ai; và cái vẻ xấu xí của cô, thêm vào cách trang điểm cầu thả, làm cho càng ai có chút cảm-thích để mời cô ngồi vào một chỗ trên ghế có lẽ còn nhưng mà bị che lấp đau đấy.

Cái óc soi mói thóc mách ẩn dưới thân đầy đá của mẹ Tara-didi không thể chịu yên được trước những hành khách mới vào, họ uốn nắn gì ở đây đi được người đàn bà già tự kể chuyện mình và chuyện nhà. Thế mà cô con gái gợi ý xồm xuống sàn rút lại dơ mặt ra vừa ngay trước miệng của Tara-didi (lúng lúng miếng đầu) và tiếng mẹ lồm bồm nhai đầu làm cho từ biểu diễn độn của cô bé tuổi trẻ rằng chủ nhận cái niệng kia chú ý đến cơ lăm và chỉ muốn hỏi han về nhà của nười. Cô bé găm như cam lạng trô đôi mắt to nhìn mẹ, cô ý muốn hỏi xem mình có quyền đáp chuyện không. Cô chỉ sợ lại phạm vào một điều nghiêm giới của một vị Sastras nào. Nhưng mẹ Kalo đáp thay con:

— Chúng con theo đạo Brahma. Đây là con gái con.

— Con gái bà! Tôi lại cứ tưởng là cháu gái! Cháu bà để muộn lắm rồi. Thế cậu này là con gái à?

— Vâng chỉ có cháu là gái. Con đẻ năm lần đều là cháu gái. ~~Lẽ hai lần trước thì nó là con trai~~

bán cho một người khác. Nhưng không nạn, tội nghiệp cho cháu, chưa đầy năm thì cháu đã về chiều già.

Mẹ Tara-didi thương người vô tay vào trán mà nói:

— Thế đấy, phải vì sao dữ chiều mệnh mà lại! Không thì làm gì phải khổ thế, để hàng sọc con gái nhưng bà còn đợi gì mà chưa gả chồng cho cô này?

Mẹ Binu, thấy bạn thóc mách quá lấy làm khó chịu, vội gắt lên.

— Sao mà bà chị thích nghe chuyện người thế? Lời gắt không có hiệu-quả, chỉ làm cho mẹ kia cãi lại:

— Làm sao! Nghe kể những nỗi buồn của người ta, thương hại và an ủi người ta, tội lệ gì kia à?

Mẹ Kalo mỉm lòng vì tình thương người đó, hiền lành.

— Ấy con đi Calcutta để gả chồng cho cháu đấy. Nếu không, quê nhà như con có bao giờ dám bước chân lên tàu hỏa! Cháu mồ côi hổ thành ra bây giờ đến mẹ phải xuôi ngược kiếm chồng cho con. Con nghe người ta mách cho cháu một nơi, như nhà người ta chỉ muốn được xem mặt cháu ở Calcutta. Thật giỏi bắt để con gái chỉ là cái tội.

Nghe đến đó, Kalo ngược mắt nhìn mẹ già và mẹ; rồi lại thu hút để nghe nói. Trong cái nhìn của cô bé chẳng có lấy giọt nước mắt sự chưa sót; và lòng cô cũng chẳng đau đớn gì về lời cay đắng của mẹ vì sự tàn-nhẫn đó như cơm bữa rồi, cô ta nghe lời diếc móc đến thành dạ mặt.

Mà cứ trông cô thì rõ ai tưởng cô phải nghĩ ngợi gì đến thế.

Tara-didi quay lại cô bé hỏi:

— Tên con là gì?

Cô bé nhìn hỏi ý mẹ, bà này gắt:

— Sao mày không giả như cụ? Sự cái gì?

Thế là cô bé, lỗ về biết mình sinh ra là cái tội, vội đáp:

— Tên cháu là Kalidasi,

— Chà! Lạy thánh thương cho con! — mẹ Tara-didi kêu. Thế thì làm sao mà con lấy được chồng?

— Này thôi Didì, bà đừng quở quang người ta nữa đi.

Tara-didì bị ngán cản giữa lúc thương người, cũng dằn dừ cãi lại ;

— Làm sao ? Tôi quở quang cái gì ?.. Này ! (mụ quay lại nói với người đàn bà góa), trước khi đến Calcutta bà hãy đổi tên cho con đi đã. Bà phải biết thời buổi này chẳng cậu con gái nào mà lại chịu lấy vợ tên là Kalidasi, hay Jagadamba, hay tên nào khác mà tự đòi tổ tiên nhà ta vẫn đặt cho con cháu đâu !

Mụ Biau muốn lắng sang chuyện khác liền hỏi cô thiếu nữ đi giầy da như đàn ông (cô nữ sinh)

— Thế tên cô là gì ? Chắc nghe phải gọi dùng êm ả lắm nhỉ !

Cô thiếu nữ sẽ mỉm cười đáp :

— Tên cháu là Sobha.

Lập tức Tara-didì tóm lấy câu giả nhời để lợi dụng cho câu chuyện của mình và mụ bảo người đàn bà góa :

— Bấy bà nghe thấy chưa ? Phải cho nó cái tên như là Sobha, Bibha, Abha gì đó. Chính tôi này có không dúi tám mụn con gái ; ấy thế mà dù chúng chẳng phải là cảnh vàng lá ngọc gì, cũng chẳng ai cấm tôi đặt cho chúng những tên nào là Suvarnalata, nào là Kanaklata.

Từ trước đến giờ nào Kalo có biết đâu những đứ-tính quý hóa của một cái tên. Thế là cô bé vội quay đầu nhìn cô Sobha để ngắm một thiếu nữ tốt số như ông kia. Mất cô bé chán đây sự khâm-phục nhưng mà khâm-phục một cách vụng về, là vì từ thuở nhỏ ~~giờ~~ giờ cô chỉ được dạy dỗ để cho con mắt mơ hồ và ngây dại như thế thôi. Tâm hồn cô như bị đè nén, cô sợ không dám nhìn qua cửa sổ rồi lờng.

Cử chỉ của Kalo làm cho thym rõ cái trán cho ra, bao nhiêu lúc đều lật ra sáu hết cả và cái đó không qua ngoài mắt Tara-didì được, mụ nói ngay :

— Giới ơi ! sao lại vẫn tóc như thế kia mà không biết thẹn Con bé đẹp gì cho cam, thế mà bà để cho nó vẫn tóc phơi cái trán rộng như trướng đua ngựa ra kia thì còn ma nào dám nhìn nữa !

Cô bé có trướng đua kia không chịu cúi đầu xuống mà lại d-trong mắt chống rộng ra nhìn là quan tòa của mình.

Mụ Tara-didì bỗng chớp lấy cãm Sobha để ạo cho mọi người xem lần tóc của cô, và nói :

~~Đàn bà này nói chuyện như vậy là quá đáng. Đó là cấm thi, còn gì là thế nữa?~~

Tôi, bà hãy bắt ch rỏ mà vẫn tóc lại cho con đi, lờng quẩn chặt thế, mà che hết cái trán kia đi. Lạy Miu ! sao lại vậy tóc con ng rời ta đến thế kia được ấy !

Mẹ Kalo chăm chú nhìn Sobha để khám phá ra cái bí thuật của một vấn tóc — là làm cô thiếu-nữ ngượng phải quay mặt đi.

Tara-didì ngừng một chút để lấy hơi rồi đột nhiên nói như búng chỉ.

Bà hãy nghe tôi ! Bà vẫn tóc lờng cho cô ấy để người ta xem mặt. Bà có biết cái mà người ta gọi là *Jhapla*, để che trau không ? Ấy mua cho cháu một chiếc, thế là ổn hết. Có giới biết cô ấy có trán hay không. Và đeo cái ấy mặt lại đẹp thêm ra chứ !

Mẹ Kalo làm mặt rầu rĩ nói :

— Thưa cụ, nào phải cháu chỉ có một tật ấy thôi. Cháu đen dũi thế kia kia

Mụ Tara didì, vênh mũi, tự-đạc nói :

— Bà phải biết tôi đã gả chồng cho tám mụn con gái rồi, tám đứa ! Này, cứ đem lại cho tôi một đứa đen-dũi xấu-xí nhất, rồi bà xem nếu tôi không gả chồng được cho nó cứ xin Giới bắt tội !

Mụ lại tiếp :

— Niền nó là con gái. Bà đã trông thấy phân bao giờ chưa. Bà cứ ra chợ mua vài xu phấn hồng và xoa lên mặt cho cô ấy. Thế là da trắng ngay. Nếu không mua được phấn, bà cho ít bột vào miếng vải mỏng ; rồi bà lấy tay sẽ xoa lên chiếc tường quét vôi trắng nào đấy ; can thận nhé, đừng để lại xoa lên tường chất bùn ! .. mà nọ trời, và rồi xoa tay lên mặt cháu. Còn chỗ bột kia thì bà lấy gấu *sari* của bà chấm vào rồi cũng xoa mặt cho nó. . . À này còn điều nữa tôi bảo ! Nhờ dẫn nó đi cho người ta xem mặt vào buổi tối, dưới ánh đèn nến. Bảo nó đừng có cúi đầu xuống chẳng mà da hóa đen ra, bà nghe chưa ? Mà nếu người ta hỏi xem tay — thì dơ ngửa bàn tay ra !

Thưa cụ, ngộ nhỡ người ta đòi xem mặt ban ngày thì làm thế nào ? — người mẹ nói.

Mụ Tara-didì cười thương-hại vì câu hỏi đầy độn :

— Tất nhiên là không phải họ cứ xin thế nào mình cũng phải cho được như thế. Bà không khờn ngơan tí nào cả. Thì bà cứ giả nhời người ta rằng nhà bà có lệ cấm đưa cô cháu cho xem mặt giữa

Lời lẽ mẹ già quả quyết và suôi tai đáo để làm cho người đàn bà goa gặt đầu lia lịa như say vì thứ rượu khôn ngoan ấy. Mẹ Binu thì cười nhạt.

— Này bà Didi ơi, bà lần trí rồi đấy !

Nhưng Didi không chịu được sự mỉa mai, nơi tam bành lên :

— Sao ! Có hại mới được chứ ? Dễ thường bị gông cùm vì làm phúc cho người ta chăng.

Sự thật mẹ ra vẻ bằng lòng mình lắm, và mẹ nhìn Sobha, đợi cô ta tỏ ý tán thành, vừa nói :

— Cô nghĩ có phải không, cô em ?

Nhưng Sobha chỉ sẽ mỉm cười, thế cũng đủ cho mẹ hồi lòng.

Lúc đó, người đầu bà có con ốm, mà vừa lúc này cũng đã được Tara-didi rủ lòng thương khuyên bảo, thừa ngay dịp để gọi người ta chú ý đến mình. Y rồi chỗ xó tối, lách lấy một lối đi gương ghệ nhưng thế nào cũng dẫm vào ngón chân người khác, rồi nói :

Thế những người đến xem mặt có phải họ bằng nhà giai không bà ?

— À không ! — mẹ Kalo đáp. — Chỉ là bạn bè đấy thôi ạ.

— Nếu thế bà hãy nghe tôi : bà cho cô ấy mặc tân-thời vào rồi dẫn cô ấy đi chụp ảnh. Họ ảnh họ sẽ cho đẹp hình ra kia. Ấy tôi có cô em út mới thì tẹt, mặt thì ti hi thế mà nhờ hiệu ảnh Boron Shepad Saheb, trong ảnh cô ta đẹp như tiên sa vậy, chỉ còn thiếu đôi cánh. Cô em đấy thì thế nào rồi họ cũng tỏ cho cái trán cao và má hõm thành ra sinh đẹp đáo để.

Vừa nghe xong, Kalo quay lại và đơn đả lời mách kỷ diệu kia bằng một cái dũa mát bình thần và lơ dờ. Bà mẹ mắng con :

— Kia, Kalo ! Lớn bằng ngần ấy mà còn oản-oại như trẻ ranh ấy à ?

Cô gái « lớn » kia vội ngồi ngay người lại, không nhúc nhích nữa.

Mẹ Tara-didi, chỉ vào Sobha, lại nói :

— Này bà, nhất là phải búi tóc cho con lỏng chứ. Nến tóc khó vấn, bà cứ lấy chiếc khăn mặt nấp nước mà ướp vào. Nếu vậy thế nào cũng vấn được đẹp.

Mẹ Binu bấy giờ cũng bàn góp

— Bà Didi ơi, bà đã mách người ta bao nhiêu thứ sao không mách cả mẹ mới Ghatki kia nữa ?

Mẹ Tara-didi đại tài hơi sụ mặt lại, nhúng ròi mẹ lại đáp :

— Cũng chẳng hại gì. Ừ, lần này quả con mẹ đã đánh lừa tôi. Con Kanak gái út tôi ấy mà, da nó đen quá, thế mà con mẹ Ghatki dám tỏ mặt cho coi tôi. Tôi ngu quá cứ tin nó, tưởng là nó như thế thì ít ra cũng giữ được đến hết ngày hôn-lễ thế mà mới ba ngày việc đã bại lộ. Tôi nghiệp người ta hành hạ con gái tôi ! Tôi phải bán hết đồ vàng và giả tiền mặt đến hai nghìn bạc, họ mới chịu im chuyện !

— Chà con gái nó khổ thì mặc nó, — mẹ Kalo điềm-nhiên nói. — Đàn bà sinh ra để mà chịu khổ chứ sao ? Mà rồi thì để mãi chuyện cũng bằng yên. Miễn là chút được của nợ đi là mình hả rồi !

Cô bé Kalo cảm thấy mình hình như sắp bị tai nạn đến nơi vội vuốt tay khẳng khiu ra níu lấy sari của mẹ. Bà này đại con giai lên đầu gối ấy Kalo ra mắng :

— Ừ ! con nhãi lăm đầu người ta ! Có đứng ngay dậy mà tìm kẹo cho em không. Bớt nó nhện miệng đem bao giờ ? Mày có ăn một hai cái thì lấy mà ăn.

Kalo lẽ chân đi tìm kẹo ; nhưng vì cô bé đứng dậy mà mẹ Tara-didi trông thấy vội nhón mặt lại coi góm ghiếc như đứng trước một quái vật tứ đời hồng hoang nào hiện lên vậy. Mẹ-vừa rầy này ra vừa kêu lên :

— Ồi lại Thằng lạy Mầu ! Con gái đầu mà như que củi ấy ? Những người nhà quê họ cũng lạ đời thật. Họ để cho con cái nhìn đôi nhện khát thế mà chịu được. Con gái chưa chồng thì cũng phải tầm hồ cho nó, thương yêu nó mới được chứ. Này con, sao con đi mà người con cứ ngay như linh bông súng ấy thế ? Từ rày con phải khom mình xuống một tí nhé !

Kalo vẫn biết rằng mỗi bước đi là mình mang thêm một tội đấy, nhưng cổ ngò đầu lại có điều nghiêm giới cấm cả con gái nhón lên. Từ nãy giờ cô bé khốn nạn cứ phớt ngời nghe người ta phân tách cái sắc đẹp của mình và những mưu mô để làm tăng nó lên, đến bấy giờ đã chắc hẳn được nuốt chồi mấy chiếc kẹo cầm ở tay. Chẳng ngờ cái điều ở miệng mẹ Tara-didi vừa phát giác ra làm cho cô bé sợ ăn kẹo vào rồi mà lại thêm vọt lên trước những con mắt cay nghiệt kia thì thực đầy-dã, thế là cô vội nậm chặt kẹo

lại mà ngồi thụp xuống, lưng khom đầu cúi cho hợp với con gái chưa chồng. Có nhẽ cô ta nghĩ rằng ăn kẹo vụng không cho ai nhìn thấy thì Giới cũng không nở chua thêm vào cái bâng đây những tội lỗi của mình rồi chẳng

Xe hỏa đỗ lại ở Burdyan. Mụ Tara-didi xuống xe với mụ Binu. Những nhời cuối cùng của mụ là:

— Bà nhớ lấy. Cứ theo lời tôi thì thế nào cũng lốg khừ được của nợ đi đây. Nhưng lúc ấy đừng có quên cầu Thành mẫu phù hộ cho mụ này nhé!

Và mẹ Kalo đáp

— Dạ, nhờ ơn cụ nếu mà cháu được yên thân thì con không bao giờ dám quên.

* * *

Một người anh họ Kalo làm ở một công-sở tại Calcutta. Do dự mãi hẳn mới quyết định gả em gái cho con một ông *Munsif*. Ông cậu chàng rể sắp cưới là tay làm giàu vì mối lái. Trước khi làm lễ cưới hẳn đã được tiền công làm mối, đến khi cưới xin, nếu có sự bất hòa giữa hai nhà vì tiền hồi-môn, thì anh ta lại đứng ra điều đình dàn xếp và lại soay tiền d'ore bố cô dâu (người này tất nhiên bao giờ cũng giữ phần thua).

Con người khéo léo đó đã thuận nhận làm nguyệt-lão cho Kalo với món tiền là hai nghìn bạc, tất cả gia sản của Kalo gộp với những đồ tư trang của người mẹ còn lại, là vì bà ta chỉ cưới con gái mà bao nhiêu đồ vàng dần dần hết sạch.

Người ta cũng nhờ cả đến tài của mụ Gnat-i, Thế là Kalidasi đi cho người ta xem mặt với màu da đã tô điểm, với những vẻ kiêu diễm di mươn hay dân sếp (theo mụ Tara-didi) và thêm một mớ nữ trang. Cô trở quay mặt vào phía mặt trời là để nhận lấy một ánh rực rỡ cuối cùng, và chỉ duy một ánh sáng dịu dàng và lờ mờ của một ngọn đèn họa cô tổ giác được việc tri trá-kia chàng. Cô dâu không gọi là Kalidasi nữa mà lấy tên là Suvarnalata (Kim-Chi), và khi có bước vào gian phòng, như có lò so dật, cô khom mình xuống để cái trá lăm người.

Đoàn đại-biểu lại xem mặt rất kinh ngạc vì vẻ lộng lẫy của cô dâu, họ nói cô dâu cũng khá nhưng cô trang điểm quá t'ái quá.

— Nhưng biết làm thế nào? — gã làm mối lấu cá cãi lại — Thế mới đúng là tâm-thời. Thì các ngài cứ khầu trừ chút ít hoa mỹ ấy đi là biết về thực của cô ta, khó gì.

Nhà gái lúng túng không biết nên trừ cái gì và

muốn sang chuyện khác họ hỏi cô dâu a đọc sách gì.

Tuy rằng chưa từng đi xa quá mấy quyền sơ học độc-bản, Kalo cũng kê được trời chảy loạt sách mà cô ta biết, những tác phẩm từ đời cổ điển cho đến thời hiện đại. Rồi sau khi đã sát hạch từ giảng đi đến tiếng nói và bao nhiêu tài đức cần thiết cho một cô dâu, họ c' m cho cô trúng tuyển, dù không có *mention* ai ít ra cũng đ' rợ thứ hạng.

Kalidesi khéo đội lốt Suvarnalata đến nỗi những con mắt chuyên môn cũng không khám phá ra. Chú rể thì ở với gia đình xa Calcutta, và chiếc ảnh chụp tại nhà Boron Shepad gửi đến cho chú xem có thuận hay không thì lại đẹp hơn cả Kalidasi tổ mặt và cải trang.

Rút cục, nhờ sao chiều mệnh tới, cuộc hôn-nhân của Suvarnalata được ổn thỏa ở nhà bố mẹ đẻ.

Ít lâu sau hôn lễ, cô dâu về nhà chồng thì thấy nhà chật ních họ hàng và khac. khứa. Mặt giờ le loi giữa trưa, lại thêm những khóc lóc luôn luôn làm lộ cái bóng giáng cô dâu đeo mạng và ít trang điểm, không được kiêu diễm như người ta đã mong đợi. Chú rể bước xuống xe với bộ mặt hăm hăm. Và khi bà mẹ chồng ra đón con dâu vào nhà, bà nhún ngay ra cánh tay đen thui mà bà nâng ở tay liền kêu:

— Cậu cháu d'aur, da gì mà đen như cuốc thổ này! Sao cậu bảo nó đẹp lắm, những gì gì nữa kia mà?

Ông cậu lấu cá làm bộ rơi tự cung trắng xuống và thét lên:

— Thế nào? Ra họ đánh lừa mình vậy à! Ở ngoài kia nghe nói da dẻ nó hồng hào kia mà. Ch' không tin cứ hỏi thằng Dinesh ấy, hẳn cũng có mặt ở đây!

Nhưng bà mẹ chồng chẳng b'oi đến Dinesh; bà lật tràng mạng cô dâu lên và bộ mặt tiêu tụy của Kalo phơi ra.

— Ồi Mầu! Thế ra cái con cán chồi này, cái con cá s'ám mà tôi đã gặp ở trên xe hỏa đây! Thôi chết rồi! Số tôi phải chịu thế này đây! Thực là làm phúc ph'ái tội. Chẳng thả họ cầm dao mà đâm cho tôi một nhát. Nhục nh'ã chưa! thật là nhục nh'ã! Còn giờ d'ất nào! Trí trá quỷ quyết! Thực là diễm nhục!

Cô Suvarnalata giả hiệu chỗ mặt d'ờ dẫn của Kalidasi ra nhìn mẹ chồng. Gã làm mối lấu l'inh hết lời chửi rửa nhà gái và kêu lên:

(Xem tiếp trang sau)

BAO THANH NGHI

Trong số 15 Juillet 1944

- **Từ tưởng**
- **Quyền khảo thí trong Hiến-pháp Trung hoa**
- **Vài phương - châm của chính sách giáo dục dưới thời Cách mệnh Pháp (1789-1794)**
- **Cảm giác quê**
- **Một lũ mê mẩn (tạp văn)**
- **Độc sách mới : Khổng tử học thuyết**
- **Xã hội Việt nam từ thế kỷ thứ XVII**
- **Việc giống bông**
- **Tâm sự một nhà văn : Nhật ký của Julien Green**
- **Những bước đi ngang**

ĐỖ ĐỨC DỤC
PHAN ANH

TRỌNG ĐỨC
ĐÌNH GIA TRINH
VÔ TÂM dịch

P. Q.
NGUYỄN TRỌNG PHÁN
VU ĐÌNH HOE
NGUYỄN QUÝ BÌNH
ĐỖ ĐỨC THU

— Tôi thì nếu không trả thù cái võ họ lừa mình này thì tôi là giống chó!

Và mẹ Tara-didi thét lên với nàng dâu:

— Nghe chưa, con nhà giới kia? Về bảo với mẹ mày rằng bộ da đen không dễ bán như thế được đâu. Bao giờ mẹ mày mang đủ vàng cho cân với cái sắc đẹp của mày lại đây, thì mày hãy bước chân vào nhà này, nghe chưa! Thường lao không lấy vợ xứng đáng hơn cho con tao được đấy hẳn!

Kalo nhận hết những lời chửi rủa, đầu cúi xuống ngoan ngoãn. Người ta đã dạy cô ta từ thuở lọt lòng ra rằng dân bà sinh ra để mà đau khổ kia mà. Thành ra cô gặp nỗi đau đớn này mà không lấy làm lạ. Thế rồi rút cục cô nghe thấy ông cậu «mối manh» kia nói:

— Thôi chị, còn đợi gì? Đừng làm nhời nữa cho dâu con chúng nó vào. Mọi sự thế cũng là tốt lành cả đấy thôi. Bao giờ chị muốn thì cứ soay mở cái vòi ra tức khắc ra tiền!

Tự đó bắt đầu cuộc đời mới sung sướng của Kalo. Có ai biết rồi mẹ Tara-didi có khoe phần mình trong cái việc xây hạnh phúc này không? Nhưng chúng ta chắc chắn một điều là mẹ Kalo hằng cầu Thánh Vầu phù hộ cho mẹ.

NHU - HÀ dịch.

NHAN SINH — — DIA DU

(Tiếp theo trang 6)

xã-hội của dân quê: cách cai-trị trong làng, đình đám, tế lễ, nhà cửa của dân quê v. v.

Công việc khảo cứu rất lâu. Phải nhớ đến nhiều-người, lý-trưởng, trưởng họ, họ-lại... Ngổ ý với các người này, bảo họ là ta muốn khảo cứu, muốn học, muốn biết có lẽ họ cho ta là điên và họ sẽ hát-hủi ta. Nhưng ~~nếu~~ ta nói khéo, chiều họ, «nịnh» họ hay dùng một thủ-lực khác, ta sẽ được mãn nguyện. Các bạn trước khi đi khảo cứu ở đâu nên nhớ rằng sự học bắt ta phải tốn công, tốn sức, tốn kiên nhẫn,..., tốn tiền: nếu tiền tốn nhiều thì công, sức và kiên nhẫn tốn ít. Nhưng ai mà có tiền tiêu về sự học?

Tôi tin rằng chương-trình *phiên-phê*, dù sự khảo cứu lâu, khó và tốn, địa dư làng Việt-nam sẽ có người phụng sự. Đó là một bổn phận của ta. Bổn phận không ai nài mà ta càng đáng lấy, khó mà ta làm được: ấy mới có giá trị. Bổn phận đó dành cho thanh niên học sinh, thứ nhất trong vụ nghỉ hè.

NGUYỄN THIỆU LẬU